TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HÓA

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo, tỷ trị sự, nhà in 95-97 phố Chanceaulme, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

* Quan-niệm về thẩm-mỹ của la xưa thế nào ? *Hoa-Bằng*
* Những ông nghè triều Lê (LX) *Nguyễn-văn-Tố*
* Văn-hóa vật-chất (IV) *Ứng-Hòe*
* Từ hội-nghị Diên-hồng . . . (II) *Khuông-Việt*
* Đại-Nam dật-sự (VII) *Nguyễn-Văn-Tố*
* Indrapura (Đồng-dương) (Hết) *Dương-Kỵ*
* « Hậu-lai cách-trí » của Renan tiên-sinh (II) *Đỗ-Thúc*
* Ngô-thì-Nhậm . . . (Hết) *Sông-Bằng*
* Tạo-hóa và nhân-loại (VI) *Minh-Tuyền*
* Cháy cung Chương-Võ (Tiểu-thuyết, III) *Chu-Thiên*

Năm thứ ba — **Số 110**
Thứ năm, 2 Septembre 1943

0$30

QUAN-NIỆM VỀ THẨM-MỸ

của ta xưa thế nào ?

HOA-BẰNG

Có một giáo-sư người Pháp thường bảo một nhà họa-sĩ ta : « Anh phải mau mau mà diễn-tả những can nhà, lối đi ở thôn quê anh, kẻo chẳng bao lâu, những nhà mới sẽ tràn-lan khắp xứ. Anh sẽ thất vọng khi muốn kiếm được một nhà với lối kiến-trúc đẹp xưa. Đến những phong-ảnh cũng sẽ thay dần. Anh sẽ thấy họ phá đi vì sự tiện lợi về sinh-hoạt hay giao-thông trong nước. Cây-cối rừng núi sẽ bị chặt phá để mở đường cho những sự cần thiết khác...»

Đó là công việc của nhà họa-sĩ.

Còn công việc của nhà văn ta là phải « vẽ lại » những nét « tinh-thần thời xưa », chẳng hạn như quan-niệm thẩm mỹ của ta xưa ra sao để, sau này, các bạn hậu tiến còn phảng-phất được đôi chút màu-sắc thời-đại.

Muốn xét quan-niệm thẩm mỹ của ta xưa, tưởng không gì bằng căn cứ ngay vào những câu ca-dao mộc-mạc, những truyện-tích cổ bằng chữ nôm.

Một cô con gái đẹp ngày xưa đáng cho người thương, người yêu thì phải có cái dung-nhan và phục-sức thế nào ?

Ca-dao trả lời thế này :

Một thương tóc bỏ đuôi gà,
(Hai thương ăn nói mặn-mà có duyên,)
Ba thương má lúm đồng tiền,
Bốn thương răng nhánh hạt huyền kém thua,
Năm thương dải yếm đeo bùa,
Sáu thương nón thượng quai tưa dịu-dàng...

Lại như :

(Thấy em xinh nói, xinh cười,)
Xinh quần, xinh áo, xinh đôi nụ vàng,
Chân em xỏ dép quai ngang,
Tay đeo nhẫn bạc lại càng thêm xinh.

Và :

Cổ tay em trắng như ngà,
Con mắt em liếc như là dao cau,
Miệng cười như thể hoa ngâu,
Cái khăn đội đầu như thể hoa sen,
Nón trắng mà đội thao đen...

Như các bạn đã thấy, phong-nhân ta tả người đẹp xưa khác hẳn người đẹp bây giờ :

Ngoài những câu tả về lời nói, giọng cười như *ăn nói mặn-mà có duyên*, như *xinh nói, xinh cười*, là phần có tính-cách vĩnh-viễn không thay đổi vì thời-gian, còn từ phục-sức đến trang-điểm của người đẹp xưa ấy nhất nhất khác với ngày nay.

Người ấy phải có hai hàm răng rưng-rức đen, có mớn tóc đuôi gà lê-thê dài, có hai đồng tiền lúm trện đôi má hồng-hồng đỏ...

Người ấy, với cái hình-thể được Trời phú cho vẻ đẹp thiên-nhiên : da trắng như ngà, mắt sắc như dao, miệng cười tươi như hoa nở, thường hay trang-sức thế này : tai đeo đôi nụ thông bằng vàng, tay đeo chiếc nhẫn bằng bạc, chân đi đôi dép quai ngang, đầu đội chiếc nón thượng thống đôi thao đen, cổ mang yếm buông đôi dải thắm...

Đó là kiểu-mẫu cái đẹp cách nay có lẽ mấy chục năm trở về trước : cái đẹp ấy, đối với thế-hệ trước, là cái đẹp truyền tử nhược tôn, cái đẹp bất di, bất dịch. Vì chung một quan-niệm về mỹ-thuật trong khuôn sáo chật hẹp, đời nọ qua đời kia, mắt ai cũng chỉ quen nhìn như thế, tai ai cũng chỉ quen nghe như thế, nên ai ai cũng uốn mình theo cái khuôn vòng đã đặt sẵn, không thấy khao-khát một mầu-sắc gì lạ-lùng hơn, mới-mẻ hơn...

***

Ngày nay các bạn gái đua nhau để răng trắng, đánh răng trắng (phong-trào này đi kèm với phong-trào ăn mặc tân-thời, nổi dậy từ khoảng năm 1933 trở đi), nhưng xưa kia răng trắng lại bị liệt vào hạng « xấu-xí », « khó coi ». Chứng-cớ ấy ta thấy ở trong câu phong-dao này mà phong-nhân đã đặt giống đôi để, khi đọc lên, ai cũng dễ nhận thấy một sự so-sánh chênh-lệch, một cách đối-trọi mỉa-mai :

(Những người má đỏ hồng hồng,)
Răng đen rung rức *thì chồng chẳng yêu!*
(Những người mặt nhọ như nieu,)
Cái răng trắng ớn, *chồng yêu lạ lùng!*

Rồi người ta còn cao giọng ca-tụng cái đẹp của bộ răng đen mà các cô con gái xưa đã tốn bao công tình kiêng-khem, nhuộm, chiết:

Răng đen, ai nhuộm cho mình?
Cho răng mình đẹp, cho tình mình yêu?

Mà một cô con gái xưa khi đã có cái nhan-sắc răng đen má hồng thì trong bụng thế nào cũng muốn kén-chọn lấy một người chồng có học-vấn, có kiến-thức, có địa-vị xứng-đáng cho bõ cái công trang-điểm, chăm-chút, giữ-gìn:

Lấy chồng cho đáng tấm chồng,
Bõ công trang-điểm má hồng, răng đen.

Thế mới biết, theo quan-niệm xưa về sắc đẹp, « cái răng, cái tóc là góc con người », từ kẻ trong cuộc cho đến người bàng-quan, ai cũng công-nhận răng đen là món trang-điểm tuyệt mỹ của cô con gái, khác hẳn cái hiếu-thượng răng trắng ở đời nay.

Nhân đó, chúng ta được một nhận-xét: chân-lý bao giờ cũng chỉ là tương-đối. Cái ưa-chuộng ở ngày xưa thường không được ưa-chuộng ở ngày nay, mà cái ưa-chuộng ở ngày nay chưa chắc đã được ưa-chuộng ở ngày sau.

***

Truyện Kiều tả cái đẹp chững-chạc, đứng-đắn, thùy-mỵ của hai chị em Thúy Kiều, Thúy Vân thế này:

Mai cốt cách, tuyết tinh thần,
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười
Vân xem trang-trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy-đặn, nét ngài nở nang,
Hoa cười, ngọc thốt đoan-trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
Kiều càng sắc-sảo mặn-mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn:
Làn thu thủy, nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh!

Cái đẹp của nàng Vân là cái đẹp của người đoan-trang, chín-chắn: khuôn mặt thì đầy đặn phúc hậu, nét mày thì dài rộng đậm-đà, tóc xanh, xanh hơn mây, da trắng, trắng hơn tuyết, từ nét cười tươi-tắn như hoa đến tiếng nói trong-trẻo như ngọc đều chứa một vẻ đẹp đứng-đắn, dịu-dàng.

Đến cái đẹp của nàng Kiều thì lỗi-lạc hơn, phi-thường hơn: con mắt trong sáng như nước mùa thu, nét mày xánh tươi như núi mùa xuân, không những sắc-sảo hơn Vân ở tài, mà lại mặn mà hơn Vân ở cái nhan-sắc. Phải, Kiều đẹp tột vời, đẹp lộng-lẫy đến nỗi hoa cũng phải ghen, liễu cũng phải hờn vì cái đẹp tươi thắm nổi bật, vượt hẳn trong đám quần phương.

Sau khi đã xem kỹ những nét tả về sắc đẹp dưới ngòi bút linh-động của thi-sĩ Nguyễn Du, ta nhận thấy rằng sắc đẹp xưa dù được thi sĩ hay họa sĩ tô-điểm khéo-léo tài-tình đến đâu cũng vẫn là cái đẹp « cổ-điển », cái đẹp « nề-nếp », khác hẳn cái đẹp « lãng-mạn », cái đẹp « kích thích », cái đẹp « say-sưa » của tân-thời. Hai chỗ khác nhau ấy, ta có thể so-sánh ở: một bức tranh mỹ nhân cổ với một bức tranh mỹ nhân kim, một đoạn truyện tàu cổ tả về sắc đẹp nữ-tính với một đoạn tiểu-thuyết ta nay cũng tả về sắc đẹp nữ tính.

***

Sở dĩ xưa và nay có chỗ khác nhau như thế, là vì quan-niệm về mỹ thuật nay khác hẳn xưa, như trong bài xã-thuyết ở số báo trước (T. T. số 109) đã nói.

Mà cái cớ chúng ta nay có một quan-niệm về mỹ-thuật khác với tổ-tiên ta xưa chẳng qua cũng vì quan-niệm về nhân-sinh và sự tổ-chức xã-hội mỗi thời một khác.

Sử chép: đời vua Lê Thuần-tông (1732-1735), vì thấy dân gian thói-tục ngày dần xa xỉ, nên tháng 5, năm giáp dần, niên hiệu Long đức thứ ba (1734), Triều đình bèn ra lệnh cấm quan, quân, dân thứ không được chạm-trổ hình chư trong đồ vật thường dùng, *không được trang-sức hoa-mỹ*, người thợ không được đua nhau chế-tạo những đồ lạ lùng khéo-léo (Khâm-định Việt-sử, quyển 37, tờ 30 b-31 a).

Nay khác hẳn: trường Cao-đẳng Mỹ-thuật mở rộng cửa từ năm 1925, hoan-nghênh hết thảy những tài-nang về các nhánh như hội-họa, điêu-khắc và kiến-trúc... Rồi những sinh-viên trường ấy, sau khi tốt-nghiệp, đều là những tay truyền bá mỹ-thuật rất đắc-lực ở xứ này. Do đó cái khiếu thẩm-mỹ trong dân-gian sẽ được mở rộng dần-dần, người ta sẽ có cái nhận-thức xác-thực trước Chân, Thiện, Mỹ.

HOÀ BÌNH

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 60

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

14 — Đỗ-thanh-Đào, người xã Đồng-dư, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Nam 28 tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn (1484 hiệu Hồng-đức thứ 15, đời vua Lê Thánh-tông. Làm quan đến hiến-sát-sứ (chép theo *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 31 b; quyển *Đăng khoa bị khảo*, Hải-dương tờ 57 b chép làm quan đến Hàn-lâm viện đãi-chế).

15. — Nguyễn-Ích-Tốn, người xã Mậu hòa, huyện Đan-phượng, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây. Nam 27 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484, Làm quan đến Lễ bộ hữu-thị-lang Là cháu ngoại Nguyễn-Trực ở Thanh-oai, đỗ trạng-nguyên khoa 1442 (*Đăng khoa bị khảo* quyển Sơn-tây, tờ 29 a-b) Bộ *Toàn-Việt thi-lục* (bản viết của Trường Bác-cổ, số A 1262, tờ 22 a 23 a) có chép được sáu bài thơ cận-thể của ông Nguyễn-ích-Tốn, đề là Kỳ-khí, Vân-nhân, Mai-hoa, Anh tài-tử, Tượng-sĩ nhớ nhà, Động Lục-vận; sáu bài này đều phụng-họa ngự-chế.

16. — Đặng-tử-Nghĩ, người xã Yên-tập huyện Đường-hào, tỉnh Hải-dương, Đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484 Làm quan đến thượng-thư rồi về trí-sĩ. Là tụng tằng-tôn của Đặng-kính-Chỉ, (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 32 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 3 a).

17. — Nguyễn-văn-Hạp, người xã Nghiêm-xá, huyện Thượng-phúc, phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. Nam 36 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Lắm quan đến hiến-sát-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 21 b).

18. — Vũ minh-Châu, người xã Kim-lan, huyện Cẩm-giàng, tỉnh Hải-dương. Nam 27 tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa giáp thìn 1484, Làm quan đến tự khanh (*Đang khoa lục*, quyển 1, tờ 32 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 29 b).

19. — Nguyễn-hữu-Huy, người xã Cổ-điển, huyện Thanh-đàm (Thanh-trì), phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. Nam 29 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến giám-sát ngự-sử (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 32 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 5 a).

20. — Phạm-cận-Trực, người xã Đàm-xá, huyện Trường-tân (Gia-lộc), phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Phụng-thiên phủ-doãn (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 32 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải dương, tờ 37 a).

21. — Nguyễn-doãn-Huy, người xã La giang (La-sơn), huyện La giang (La-sơn), phủ Đức-quang, tỉnh Nghệ-an. Năm 31 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến tham-chính *Đang khoa lục*, quyển 1, tờ 32 a (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Nghệ-an, tờ 19 a).

22. — Đặng-Thận, người xã Sơn-đồng, huyện Lập-thạch, phủ Tam-đái, tỉnh Sơn-tây. Năm 26 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Nguyên tổ quán ở xã Thiên-lộc, tỉnh Nghệ-an, là đồng dõi Đặng-Dung, trung-thần triều Trần-Là em họ Đặng-Di (*Đăng khoa lục* chép là Đặng Chiêm) ở xã Sơn-vi, là chú họ Đạng-tùng-Cư Đặng-minh-Khiêm; Đạng-Toản. Là em ruột Đặng-Điềm, đỗ đồng tiến-sĩ khoa canh-tuất 1490: anh em đồng triều (*Đang khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 57 a).

23. — Đặng-tùng-Củ, người xã Mạo phố, huyện Sơn-vi, Phủ Lâm-thao, tỉnh Sơn-tây. Nam 27 tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Đông các đại-học-sĩ, kiêm coi việc viện Hàn-lâm, Là con Đặng-Di (hoặc Đạng Chiêm), đỗ năm 1453; là anh ruột Đặng-minh-Khiêm và Đặng-Lân cùng đỗ năm 1487: ba anh em đồng triều. Là cháu gọi Đạng-Thận và Đạng-Điềm ở Lập-thạch bằng chú họ. Đặng-Thận đã chép trên kia; còn Đặng-Điềm đỗ khoa 1490 (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 32 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 75 b).

24. — Lê-đức-Liên người xã Quỳnh-hoàng, huyện Giáp-sơn, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương Đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến hiến-sát-sứ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 32 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 95 b).

25 — Nguyễn-vô-Cữu, người làng Nội-duệ, huyện Tiên-du, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc, Đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Quốc-tử-giám tế-tửu (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 32 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 17 b — 18 a).

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

VĂN-HÓA VẬT-CHẤT

Số 4

Ứng hoè Nguyễn văn Tố

Văn-hoá Úc-châu ngày xưa (forme culturelle austroloïde, hoặc vieille-australienne) hiện còn ở phía đông-nam và phía tây nam với tây-bắc Úc-châu bây giờ, là những nơi chưa có người Anh đến ở đông, phần nhiều chỉ có người bản-thổ. Kể ra ở Úc-châu hãy còn nhiều chỗ theo văn-hoá ấy (trừ hại bán-đảo ở phía bắc thì không kể). Ở Đại-dương châu (Océanie) thì thấy vết-tích văn-hoá Úc châu ở Nouvelle Zélande, Nonvelle-Calédonie, San-Cristobal (quần đảo Salomon), Nouvelles-Hébrides, đảo Fidji và đảo Hawaï. Ở Nam-Mỹ, thì có những bộ-lạc ở cao-nguyên nước Brésil và ở rừng gần đấy, ở Bắc-Mỹ thì miền Californie và một vài bộ-lạc Algonquins, ở Phi-châu thì phía nam có một ít và nhất là ở chỗ đồng-lầy của thượng-lưu sông Nil, đều là những nơi hãy còn nhận được rõ-ràng dấu-tích của văn hoá Úc-châu.

Dân Úc-châu sinh-nhai bằng nghề hái, săn và bắt cá. Có thứ giáo riêng (sagaie) để giết muông thú và đâm cá. Họ dùng một thứ lưỡi câu thẳng, nhưng dùng ít lắm; xét về thời tiền-sử thì thứ lưỡi câu thẳng có vết-tích ở Âu-châu từ đời cổ-thạch-khí (paléolithique). Dân Úc-châu cũng có dùng lưỡi câu cong, hình như không phải tự họ chế ra đầu tiên. Họ đã biết nuôi chó, nhưng có lẽ cũng bắt trước văn hoá khác.

Người Úc châu có hai lối lấy lửa; một là lối xoay dùi bằng hai lòng bàn tay, hai là lối cưa, lấy dây leo cưa xát vào gỗ (Ở nước ta hiện còn có người cưa những chai thuỷ tinh bằng lối ấy: để một cái chai nằm ngang ở giữa, rồi thòng lọng một cái lạt cật rất tốt, hai người cầm hai đầu lạt cưa mãi đến khi nóng thì chai nứt ra như tiện). Xem trong chuyện cổ tích của người Úc, còn lối lấy lửa nữa, có lẽ là lối xát rãnh.

Người Úc-châu có ba lối làm đồ ăn: một là nấu chín hoặc ninh nhừ, hai là nướng lên trên than hồng, ba là đưa vào trong lò gốm.

Nhà ở thì phần nhiều là kiểu tổ ong; có lẽ những cái lều nóc nhọn và tròn như hình cái dùi cũng thuộc về văn-hoá Úc-châu.

Quần áo thì chỉ có lối áo khoác từ vai trở xuống, như lối quấn vải của người Mọi ở Động-dương.

Về khí-giới thì có thứ vũ-khí riêng tên là *boumerang*, làm bằng một miếng gỗ hơi cong, cầm để ném dã-thú: có một điều lạ nhất là ném rồi, cái *boumerang* lại lộn về chỗ mình đứng. Khắp Úc-châu đều có thứ vũ-khí ấy. Ở Nam Mỹ, ở Californie và miền Pueblos, — ở một vài đám dân Algonquins, từ miền sông Nil đến cao-nguyên Ethiopie và giữa châu Phi, đều dùng thứ vũ khí ấy. Ở Úc châu có hai kiểu *boumerang*: một kiểu hơi cong gần như cánh cung, một kiểu cong gần giống thước thợ, hãy cái ngạc ở cành cây thì đúng hơn.

Thứ giáo *sagaie* để đâm cá và giết muông thú làm bằng gỗ hoặc bằng sừng, có khi buộc một miếng đá ở đầu giáo.

Có một thứ khí giới để phòng vệ tuy không thông dụng nhiều nơi như cái *boumerang*, nhưng cũng là một cái đặc biệt trong văn hóa Úc châu, ấy là cái gậy dùng làm mộc, ở giữa có lỗ thò tay vào cầm, có lẽ là gốc-tích của cái mộc sau này. Thứ « gậy-mộc » này không những ở Úc-châu có mà thôi, ở thượng lưu sông Nil và ở phía đông phía nam châu Phi đều có cả.

Có một thứ búa chỉ riêng Úc châu có mà thôi, là thứ búa lưỡi đá, gắn vào cán bằng thứ nhựa rắn chắc. Có một vài thứ búa hai lưỡi: thứ búa này phải dụng cán tra miếng đá vào; hai bên miếng đá là hai lưỡi, nhưng cả hai lưỡi đều còn vụng lắm; cũng có thứ lưỡi mài nhọn đầu. Còn thứ búa một lưỡi, thì có thứ gắn vào cán, có thứ dụng cán tra lưỡi như lối búa hai lưỡi.

(Xem tiếp trang 21)

Trong tháng Septembre 1943

Tri-Tân sẽ xuất bản một số đặc-san về

VĂN-HỌC PHỤ-NỮ VIỆT-NAM

Vậy các bạn làng văn có sáng-kiến gì lạ, tài liệu gì hay, xin góp với chúng tôi để cho số đặc san đi đến bước hoàn-bị.

T. T.

TỪ HỘI-NGHỊ DIÊN-HỒNG
ĐẾN
HỘI-ĐỒNG HƯƠNG-THÔN

Số 2

KHUÔNG-VIỆT

Ngày 28 tháng 6 năm 1869, Ủy-ban đệ trình một bổn chương-trình nghị sự chia ra làm bốn khoản và gồm các vấn-đề về :

1°) Thuế ruộng vườn. Cách phân chia và miễn thuế.

2°) Bộ sanh tử giá thú trong làng. Sổ thâu-xuất hằng năm của làng và trách nhiệm của vị xã-trưởng. Việc lập bộ đinh, thuế thân. Việc đi lính và công xưu.

3°) Cách thức cho vay : tiền lời và cách đảm bảo số nợ.

4°) Cho nhà nông vay tiền làm mùa.

5°) Việc buôn bán nha-phiến.

Các vấn-đề ấy đều có liên quan đến đời sống của người dân. Muốn tránh những sự hiểu lầm và muốn cho mỗi người đều nhận thức ý nghĩa rộng rãi của chánh-phủ Pháp, bổn chương-trình nầy được in ra và gởi đi khắp các làng. Hương-chức trong làng phải yết-thị cho dân đến xem và viên xã-trưởng phải đọc lên cho tất cả dân chúng hiểu rõ từng khoản và thấu-đáo sự quan-trọng của việc chọn người thay mặt cho họ tại Hội-đồng Hương-thôn.

Từ ngày 25 đến 30 tháng 8 năm 1869 dân chúng khắp xứ Nam-kỳ xôn-xao về việc cử người thay mặt cho làng mình. Cuộc công cộng tuyển-cử ấy thật là một việc hết sức mới lạ đối với người dân Nam-kỳ. Lúc bấy giờ xứ Nam-kỳ chia ra làm 25 tỉnh, có 191 tổng và 1038 làng. Mỗi làng được cử một người, nên sự chọn lựa có phần lọc lõi. Ai ai cũng có quyền ứng cử trừ hàng công-chức cùng các hương-chức trong làng. Người thay mặt cho dân phải là người thông-minh, độc lập, dầu cho trước kia có can án quốc-sự. Vả lại chánh-phủ chỉ muốn được chỉ dẫn chắc chắn. Vì mục-đích ấy nên chánh-phủ để cho dân được trọn quyền tự-do chọn người gánh vác phận-sự đạt-trình nguyện-vọng và bình-vực quyền-lợi của họ. (Courrier de Saigon N° 16 du 20 8-1869).

Nơi tuyển-cử là nhà hội của làng hoặc đình chùa trong xóm. Cách tuyển-cử rất giản-dị. Viên xã-trưởng trong làng mở ra một quyển sổ. Mỗi người dân đến trình-diện ghi tên mình và tên người mình cử vào quyển sổ ấy. Đối với những người vắng mặt viên xã-trưởng phải thận hành đi mời họ đến ghi tên. Tuy nhiên cuộc tuyển-cử ấy là một việc chưa từng có ở đất Đồng-nai Gia-định nầy nên người dân quê dầu bận thế nào cũng nhịn chút thì giờ khi đi ra ruộng vườn đặng ghé nơi tuyển-cử làm tròn phận-sự công-dân. Vả lại đó cũng là một cơ hội để họ gặp gỡ nhau.

Ta thử tưởng tượng quang-cảnh trong làng lúc bấy giờ. Những cụ già đầu chít khăn đỏ, tay chống gậy tre, những chàng trai lực lưỡng, quần xắn khỏi gối, chưn lấm bùn, vai vác cày, tay xách cuốc hối-hả vội vàng đi cử người thay mặt. Họ rụt-rè bỡ-ngỡ, gương mặt họ đầy những vẻ ngờ-vực, đôi mắt họ sáng lên vì đang tìm hiểu cái ý-nghĩa của việc họ phải làm. Rồi từng đoàn, từng đám họ bàn tán với nhau.

Tự ngàn xưa đời sống của họ bình-dị êm đềm. Họ đã quá quen với cách-thức cai-trị của các quan cựu trào, nên những việc làm quyền áp-chế họ đều cho là thường sự. Vì vậy cũng kêu không tới trời nên họ đành cam phận rút đầu vô ống áo. Nay nay mặc dầu chánh-thể đã thay đổi, họ cũng không dám mơ tưởng chi hơn. Đột nhiên chánh phủ Pháp lại ân-cần muốn biết ý-kiến và nguyện-vọng của họ. Ý-kiến họ vẫn luôn luôn sẵn có ; nguyện-vọng họ vẫn luôn luôn ao-ước được đạt-thành. Nhưng đã không ai màng biết tới, đã không dám tỏ bày, nên họ đành chôn chặt tận đáy lòng. Bây giờ chính nhà cầm quyền lại muốn cho họ tham dự vào việc nước, ấy là điềm hay hay điềm dở, ấy là sự thực hay sự hư ? Bốn chữ « quyền-lợi công-dân » họ đã phải bôi trong ngôn-ngữ văn-tự, nay lại được tự-do dùng tới, thật là một việc bất ngờ ; bất ngờ đến nỗi họ phải đâm ngờ. Bao nhiêu ý nghĩ đó lanh-quanh lẩn-quẩn trong đầu óc họ và cũng là đầu câu chuyện mỗi khi họ gặp nhau.

Ngày 30 tháng 8 chức-việc trong làng khóa sổ tuyển-cử và trước mặt cống chúng tuyên-bố tên người đắc cử. Chẳng phải riêng dân Việt-Nam được cử vào Hội-đồng Hương-thôn, mà cả người

Mên và người Mọi cũng được tham-dự. Tại tỉnh Long-thành (nay thuộc tỉnh Biên hoà) có ba tổng của người Mọi, nhưng họ không đáp lại lời hiệu triệu của chánh phủ, không chịu rời khỏi mấy đám rừng của họ nên vắng mặt họ tại Hội-đồng Hương-thôn. Tại tỉnh Jai trong các tỉnh Rạch-giá, Sốc-trăng, Trà-vinh, Bắc trạng (nay thuộc tỉnh Trà-vinh) đều có người Mên đắc-cử. Ví dụ tại tỉnh Sốc-trăng trong số 140 hội-viên có đến 75 người Mên và tỉnh Trà-vinh có 54 người Mên trong số 99 hội viên.

Báo Courrier de Saigon ra ngày 5 Septembre 1869 có bình-phẩm cuộc tuyển-cử ấy như vầy:

« Cuộc tuyển cử các ông Hội-đồng Hương-thôn đã chấm dứt và kết-quả đã vượt khỏi những điều tiên đoán.

Tất cả mọi sự khó khăn mà người ta có thể lo ngại trong việc thi-hành lần thứ nhứt một phương-sách cai-trị lạ kỳ đối với các dân tộc Á-Đông đều được phòng ngừa trước bằng những lời giảng giải rành mạch của các quan cai-trị và nhờ tánh nghiệm trang trầm-tĩnh của người Việt-nam.

Hạng thường dân mà từ xưa hoàn toàn bị loại ra ngoài các vấn-đề công cộng, nay đã tự hào được hỏi tới và đã biểu lộ sự bằng lòng ấy bằng cách hăng hái trong việc bầu cử.

Hàng chức việc trong làng, lúc ban đầu lấy làm ngạc nhiên sao chánh-phủ lại nghĩ đến sự hỏi ý kiến của những người khác hơn họ, nhưng về sau hiểu rõ ý nghĩa cao xa của việc ấy họ rất trông mong kết-quả và những đều sửa đổi sẽ thi-hành.

Bởi thế tất cả dân chúng đều sốt-sắng trong việc bầu cử và số người ứng-cử rất đông. Trong vài làng có đến bốn nam người tranh nhau. Đâu đâu cũng rộn rịp nhộn nhàng nhưng không có một việc rắc rối nhỏ nào xảy ra cả.

Lòng sốt-sắng ấy đáng được nêu cao và theo ý chúng tôi, ta nên xem đó là một triệu chứng chắc chắn của công việc đồng hoá đang chậm chậm thực hành trong dân chúng Việt Nam ».

Tuy là vì ích lợi chung cho người trong làng, nhưng chánh-phủ cũng không để cho các ông hội đồng phải chịu thiệt về sở-phí, nên mỗi hội-viên được phụ-cấp ba quan một ngày.

Những ngày hội trong 25 tỉnh xứ Nam kỳ chia ra như sau nầy:

Từ 5 tới 9 tháng 9, hội trong các tỉnh Sài gòn, Cần giộc, Vĩnh-long (khu thứ nhứt), Mỹ tho (khu thứ nhứt) Rạch-giá Cần-thơ Tân-an.

Từ 10 tới 14 tháng 9, hội trong các tỉnh Chợ-lớn, Biên-hòa, Vĩnh-long (khu thứ nhì), Mỹ-tho (khu thứ nhì), Sốc-trăng, Long-xuyên, Trảng-bàng.

Từ 15 tới 19 tháng 9, hội trong các tỉnh Gò-công, Long-thành, Cần-lố, Bến-tre, Bắc-trạng, Châu-đốc, Tây-ninh.

Từ 20 tới 24 tháng 9, hội trong các tỉnh Bà-rịa, Sa-đéc, Mỏ-cày, Hà-tiên, Trà-vinh, Thủ-dầu-một.

(Courrier de Saigon N° 16 du 29-8-1869)

Hội-đồng làm việc dưới quyền chủ-tịch một viên thanh-tra các việc bổn-quốc (Inspecteur des Affaires Indigènes hay là Administrateur Chef de province). Nhưng có hai đặc điểm nầy đáng chú ý là vị quan thanh-tra tại tỉnh không được chủ-tọa Hội-đồng Hương-thôn của tỉnh mình và những vị nghị trưởng phải thông hiểu tiếng Việt-Nam. Như thế là để tránh sự dè dặt của người dân trong tỉnh đối với vị quan đang cai-trị mình và những sự lầm-lộn trong việc phiên dịch các ý kiến được tỏ bày.

Quyền chủ tịch Hội-đồng Hương-thôn chia ra như sau đây:

Ông PHILASTRE chủ tọa Hội đồng Hương-thôn của các tỉnh Sài-gòn Chợ lớn, Gò công, Bà rịa.

Ông BOUS GON chủ-tọa Hội-đồng Hương-thôn của các tỉnh Vĩnh-long (hai khu), Sa-đéc, Cần lố.

Ông DE BASTARD chủ tọa Hội đồng Hương-thôn của các tỉnh Mỹ-tho (hai khu), Bến-tre, Mỏ-cày

Ông BERTAUX LEVILLAIN chủ-tọa Hội-đồng Hương-thôn của các tỉnh Tân an, Trảng-bàng, Tây ninh.

Ông LABUSSIERE chủ-tọa Hội đồng Hương-thôn của các tỉnh Thủ dầu một. Biên-hòa, Long-thành, Cần giộc.

Ông DULIEU chủ tọa Hội đồng Hương thôn của các tỉnh Cần thơ, Long xuyên, Châu đốc, Hà tiên.

Ông ALEXANDRE chủ tọa Hội đồng Hương thôn của các tỉnh Rạch giá, Sốc trăng, Bắc trạng, Trà vinh.

(Bulletin de la Direction de l'Intérieur 1869 p. 144).

Hai tỉnh Vĩnh long và Mỹ-tho vì rộng lớn Vĩnh long có 234 làng, Mỹ-tho 178 làng nên chia ra làm hai khu.

(Còn nữa)

KHƯƠNG VIỆT

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

So 7

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

V. — Ông tổ văn-hiến nước ta (bài nối)

Bia đá dựng ở đền thờ ông Sĩ-vương, tại làng Tam-á, tỉnh Bắc-ninh, năm 1676 1706, 1787 và 1801, đều có câu : « Hữu công ư nhân, nhân hậu kỳ báo », hoặc câu: « Hữu công ư nhân, nhân tất truy tự », để khen ông Sĩ-Nhiếp dem thi thư dạy người nước ta, nên người nước ta lập đền thờ để báo ơn. Những câu ấy đều là gốc ở câu « Hữu công tất tự », nghĩa là có công-đức với dân thì dân thờ cúng. Nhưng xem trong chính-sử, như bộ *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (quyển 3, tờ 12 a), thì lại chép rằng : « Ông Sĩ Nhiếp mất năm 226 sau Thiên-Chúa ; đến cuối đời Tấn (399) quân Lâm-ấp vào ăn cướp Giao-châu, có phạm vào mộ ông thấy ông thân-thể và sắc mặt như khi còn sống, sợ lắm, phong phần lại ; dân bản-thổ lấy ông làm thần, dựng miếu thờ, gọi là Sĩ-vương tiên. Sau đến đời Trần Thái-tông (1225-1257) phong ông làm Đại-vương ». Như thế thì lúc đầu chỉ vì thiêng mà thờ, chứ không phải vì có công ; sau mới có sắc phong của các đời vua, các lệnh-chỉ của chúa Trịnh tôn ông là « văn-tự chi tổ » và « văn-hiến chi tổ ».

Theo quyển *Sĩ-vương sự-tích* (bản sao của Trường Bác-cổ số A 426) thì ở phủ Thuận-thành có 11 xã thờ ông Sĩ-vương, trong có 4 xã có sắc của các đời vua phong ông làm thượng-đẳng-thần đại-vương, còn 7 xã thờ sắc sao. Đền chính ở xã Tam-á là nơi lăng mộ của ông, đền phụ ở xã Lũng-khê là phủ-trị và trường học của ông. Chỉ có hai làng ấy là được xuân-thu quốc-tế (bép theo *Sĩ-vương sự-tích*, tờ 17 b, 20 b và 27 b) và dân hai làng ấy được trừ linh để lấy phu trông nom và quét dọn đền thờ. Hiện đền Tam-á đã ghi vào sổ danh lam thắng-tích của Trường Bác-cổ trông nom. Nay theo chính-sử chép sự-tích ông Sĩ-Nhiếp như sau :

Tên tự là Ngạn-oai, người huyện Quảng-tín, quận Thương-ngô. Tiên-tổ vốn là người Vân-dương nước Lỗ, khi loạn Vương-Mãng (8-22 sau T. C.) tránh sang Giao-chỉ. Đến cha Sĩ-Nhiếp là Sĩ-Tứ, tính được sáu đời ; Sĩ-Tứ làm thái-thú Nhật-nam đời Hoàn-đế (147-167) nhà Hán.

Sĩ-Nhiếp lúc nhỏ trợ học ở kinh-sư bên Tàu, theo học Đinh-xuyên Lưu tử-Kỳ, chuyên trị *Tả-thị Xuân-thu*, thi đỗ hiếu-liêm, bổ chức thượng-thư-lang ; vì việc công bị tội mất quan. Sau khi hết tang cha, lại đi thi, đỗ mậu-tài bổ làm quan lệnh ở Vũ-dương. Đến năm Trung-bình thứ tư (187) đời Hán Linh-đế, được bổ thái-thú Giao-chỉ. Năm ấy ông Lý-Tiến, là người nước Nam, làm thứ-sử Giao-chỉ.

Cách đây ít lâu, thứ-sử là Chu-Phù, thường đem người làng cho làm chức trưởng-lại, phần nhiều bóc lột của dân : nhân-dân tạ-oán, cất quân đánh hãm cả âu quận. Chu-phù chạy ra bể bị giết. Vua nhà Hán mới cho Trương-Tân làm thứ-sử Giao-chỉ (201 sau T. C.). Đến năm 203 nhà Hán đặt Giao-chỉ làm Giao châu.

Khi Chu-Phù bị giết, châu quận rối loạn, Sĩ-Nhiếp bèn cử em là Sĩ-Nhất làm thái-thú Hợp-phố, em thứ hai là Sĩ-Vĩ, nguyên chức lệnh Từ-văn, làm thái-thú Cửu-châu, em Vĩ là Vũ làm thái-thú Nam-hải.

Sĩ Nhiếp là người thể-khí khoan-hậu, khiêm-tốn và cung kính cả những người học-trò kém mình. Học-trò bên âu phần nhiều sang theo. Lại là người ham học *Xuân thu*, có làm bài chú-giải quyển sách ấy.

Năm đinh-hợi 207 sau T. C., hiệu Kiến-an thứ 12 đời Hán hiến-đế, Trần-quốc Viên-Huy ngụ ở Giao-châu, đưa thư cho thượng-thư-lệnh là Tuân-Quắc ; trong thư có câu rằng : « Sĩ-phủ-quân ở Giao chỉ đã là người học-vấn ưu-bác, lại giỏi làm việc quan. Ở trong thời đại-loạn, bảo toàn được một quận, hơn 20 năm bờ cõi không việc gì, dân không thất nghiệp, những bọn cơ-lữ (trốn loạn không có chỗ ở) đều được nhờ ơn. Đậu-Dung giữ Hà-tây cũng không hơn nổi. Việc quan hễ được thư thả, thì đem sách ra nghiền ngẫm ; đến *Xuân-thu tả-truyện* lại càng rèn luyện tinh-vi. Tôi thường hỏi những câu nghi-nghĩa trong sách, đều được cắt nghĩa rõ-ràng như lời thầy giảng, ý-tứ rất kỹ. Lại kiêm thông sách *Thượng-thư* :

những nghĩa lớn xưa nay rõ cả. Nghe ở kinh-sử, có những học-thuyết tranh luận phải trái, ông muốn chép những nghĩa hay ở *Tả-thị* và *Thượng-thư* để dàng: ấy kiến-thức đáng khen như thế. Anh em ông đều làm thái-thú các quận, hùng-trưởng một châu, ở xa muôn dặm, uy-tôn không ai hơn: khi đi đâu đều có hiệu chuông khánh, đủ cờ-nghi, kèn trống thổi sáo, xe ngựa đầy đường; người hầu đi cạnh bánh xe, đốt hương, thường có vài chục người. Vợ và nàng hầu đều ngồi kiệu, ngồi xe; con em đi theo đều có lính hầu ngựa cưỡi. Đương-thời qui trọng, bách man sợ phục, Triệu-úy-Đà cũng không bằng nổi ».

Sau khi Chu-Phù chết nhà Hán sai Trương-Tân làm thứ-sử Giao Châu: Trương Tân sau lại bị tướng là Khu Cảnh giết. Khi ấy bên Tàu nhà Hán đã suy, sắp chia ra ba nước (tam quốc. Lưu Biểu giữ châu Kinh cũng muốn biệt lập ra một nước, nhưng không thành. Vì châu Kinh gần nước Nam, cho nên Lưu Biểu sai người sang giữ, mới cử quan lệnh ở Linh-lăng là Lại Cung sang thay Trương Tân làm thứ sử Giao-châu, cho Ngô Cự làm thái thú Thương Ngô, vì thái thú Thượng Ngô là Sử Hoành mới chết. Ngô Cự và Lại-Cung cùng đi.

Vua nhà Hán nghe Trương-Tân chết, ban cho Sĩ Nhiếp bức thư đóng ấn ngọc tỷ, trong nói rằng: « Giao châu ở cõi xa xôi, phía nam giáp sông bể, ơn trên không rõ rệt, nghĩa dưới bị che lấp, ta biết nghịch tặc Lưu Biểu đã sai Lại Cung sang dòm dỏ đất Nam. Nay cho người làm chức Tây nam trung lang tướng coi cả bảy quận, vẫn lĩnh chức thái thú Giao chỉ như cũ. »

Sĩ Nhiếp sai thuộc lại là Trương-Mân sang kinh đô nhà Hán dâng cống; lúc bấy giờ bên Tàu loạn lạc, đường xá nghẽn tắc: thế mà Sĩ-Nhiếp không bỏ đồ cống-hiến, không quên mình là phận thần-tử Vua nhà Hán lại ban chiếu cho làm An viễn tướng-quân, phong tước Long-độ đình hầu.

Sau Lại Cung và Ngô-Cự không hòa nhau: Ngô Cự cử binh đuổi Cung chạy về Linh-lăng (chép theo *Khâm-định Việt sử*, quyển 2, tờ 29 a 32-a).

Năm canh-dần (210 sau T.C) hiệu Kiến-an thứ 15 nhà Hán, tức hiệu Hoàng-vũ thứ nhất nhà Ngô, mùa đông tháng chạp chúa Ngô là Tôn-Quyền sai Bộ Chất làm thứ sử Giao Châu, đem một nghìn người vũ-sạ đi đường Phiên-ngung, sang chỗ làm quan (*Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, quyển 4, tờ 1 a).

Năm tân-mão (211) Ngô Tôn Quyền phong Bộ-Chất làm Trịnh nam trung-lang tướng. Lúc bấy giờ thái-thú Thương-ngô là Ngô-Cự ở hai lòng. Bộ Chất dỗ kéo xin tiếp-kiến, nhân chém luôn Ngô-Cự để làm hiệu-lệnh.

Thấy thế anh em Sĩ-Nhiếp cùng đem nhau đến xin vâng theo quyền, tiết-độ (tức như kinh-lược) của Bộ-Chất: Ngô-Quyền thăng cho Sĩ-Nhiếp chức tả-tướng quân; từ bấy giờ Linh-nam thuộc về Ngô Quyền.

Sĩ Nhiếp sai con là Khâm vào làm con tin ở nước Ngô. Ngô Quyền cho làm thái-thú Vũ-xương; các con Sĩ Nhiếp và Sĩ-Nhất ở Giao châu, đều phong chức trung-lang tướng. Sĩ-Nhiếp lại dụ được họ Ung Khải là một họ hào hùng ở Ích-châu, đem nhân dân trong quận theo nhà Ngô: Ngô Quyền càng khen thêm, thăng cho Sĩ Nhiếp chức vệ tướng-quân, phong tước Long biên hầu, cho em Sĩ Nhiếp là Sĩ Nhất chức thiên tướng quân, tước Đô-hương hầu.

Sĩ-Nhiếp mỗi lần sai sứ sang nhà Ngô, đều đem các thứ hương và sản nhỏ, kể có hà nghìn, những vật như ngọc minh châu, đại-bối, lưu li, thủy vũ, đồi-mồi, tê giác, ngà voi, và những quả lạ như chuối tiêu, dừa, long-nhãn, không năm nào là không có. Lại mỗi lần ngựa cống có hàng vài trăm đôi. Ngô-Quyền viết thư khen ngợi để đáp lại.

Năm tính-ngọ (226) hiệu Hoàng-vũ thứ 5 đời Ngô Quyền, hiệu Kiến-hưng thứ 4 đời Hán Hậu-chủ, hiệu Hoàng-sơ thứ 7 nước Ngụy, Sĩ-Nhiếp mất, thọ 90 tuổi, làm thái-thú quận Giao chỉ ngót 40 năm. Con là Sĩ-Huy tự nhận làm thái thú Giao-chỉ; sau Lã Đại dụ ra hàng, rồi giết đi (chép theo *Đại-Việt sử-ký*, ngoại kỷ, quyển 4, tờ 1a-b).

(*Còn nữa*)

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN TỐ

Du ký

INDRAPURA (Đồng-Dương)

Số 4

Mãn-Khánh DƯƠNG-KỲ

Tặng bạn Võ-Mai

Có người bảo rằng người Chàm nung gạch thật cứng rồi mới xây. Họ không dùng vôi, nhưng đã dùng một thứ hồ, ý-hẳn là bằng nhựa ấy để gắn gạch lại với nhau. Đến nay, trải qua lâu đời, thứ hồ ấy lẽ tất nhiên là không còn nữa, nên tuy người ta đã cạo trên gạch chàm đem ra thí-nghiệm, phân-chất để tìm cho ra thứ nhựa ấy là gì, nhưng vẫn không biết. Khi tháp đã xây xong, người Chàm mới chạm. Thuyết thứ hai này xem chứng có lý hơn. Nhưng nếu đã nung cứng gạch rồi, thì đường chạm đi xuyên hai viên gạch làm sao mà lại được liền-lẳng như thế? Gốc những viên gạch đã khô cứng thì làm sao mà khít sát nhau như thế được? Ông Tham Đ. bảo với chúng tôi rằng, người ta đã sai mài chỗ mỏn hai viên gạch, mà không thể nào được khít-sát nhau như các gạch chàm đang nằm trong tháp.

Thế thì người Chàm đã dùng cách gì mà xây lên được những tháp đền, đẹp đẽ, kỳ-dị như thế?

Họ chú-trọng vào bề đẹp nhiều quá, mà xao-lãng bề bền-vững bề chuyên-môn. Vì thế nên dưới con mắt của một kiến-trúc-sư thời nay, tháp chàm vẫn có nhiều chỗ-hở. Gạch to và cứng chồng nhau thành từng lớp ngang; những lớp ấy nhờ sức nặng của các lớp trên, của toàn thể tháp, nên được vững và ăn-nhau lắm. Nhưng đó là chỉ nói chiều ngang, chứ chiều cao thì không được hưởng cái lợi ấy, nên vách phần nhiều dễ nứt, dễ ngã. Vả chẳng xây tường, họ thường xây hai lớp ngoài bằng gạch rất kiên-cố, chứ ở trong lại độn những gạch không cứng bằng gạch ở ngoài. Rồi thì trong lúc toàn-thịnh dân Chàm luôn luôn canh giữ săn-sóc chẳng nói gì, chứ từ khi họ bỏ, nước mưa gặp những chỗ nứt thấm dần vào làm mục gạch ở trong. Theo chiều gió, hoặc do chim đem đến, những hạt của mươi nghìn thứ cây được gieo vào các đường nẻ ấy và đã gặp trong gạch thối hói trên kia, những chỗ rất thuận tiện để nảy mộng, đâm chồi bén rễ. Thế rồi ngày đêm các cây ấy sinh-trưởng, đục-khoét lấy tháp, khoét từ trong tim khoét ra, còn dây leo lại chằng-chịt trói buộc lấy tháp trong một thứ lưới vững tại-hại nhưng chắc-chắn.

Vì thế nên, thấy những cây ấy ra sức phá hoại các tháp chàm tuyệt-mỹ, ta dẫu bối hối sợ rằng một ngày kia chắc các tháp ấy không chịu nổi mà phải đổ, nhưng cũng không dám nghĩ đến việc chặt các cây kia. Vì chặt chúng đi thì các tháp sẽ lập tức đổ tan-tành, như biết bao-nhiêu tháp ở Đồng-dương này mà gạch đã đang chồng-chất ngổn-ngang dưới chân chúng tôi.

V. Đến thăm ông Tộc-trưởng họ Trà.

Ông này tên là Trà Tiếp, tuổi gần bảy mươi, nhưng xem còn tráng-kiện. Ông niềm-nở tiếp chúng tôi.

— Thưa ông, nhân đến xem tháp chàm, chúng tôi có mấy điều xin bởi ông, mong ông sẵn lòng chỉ-giáo.

Ông Trà-Tiếp nghiêm-nghị gài nút áo.

— Ông họ Trà, thế là dòng-dõi người Chàm. Vậy ông có biết gì về các cụ xưa họ Trà, về gốc-tích các cụ chăng? Nếu ông có thể cho chúng tôi xem gia-phả của họ ông, mấy-tìm được điều gì thì quý hoá lắm....

— Gốc-tích của họ Trà chúng tôi ở «Nghệ an, Thừa-tuyên, Minh-linh phủ, Bảo-đơn xã». Đến Trần-triều có hai ông tên là Chóng và Đụn di cư vào đây, canh khẩn núi non rồi lập thành xã-hiệu.

Nói xong, ông đi tìm bản gia-phả đưa cho chúng tôi xem. Tôi khấp-khởi mừng thầm chắc sẽ vớ được của quý; nhưng giở ra thì thất-vọng ngay vì dáng chữ viết, nhất là giấy thì xem không xưa lắm. Chữ hình vuông, viết nghiêng-nghiêng, bên trái hơi cao hơn bên mặt, giống như chữ tôi đã thấy trên công-văn đời Gia-long lại cuộc chưng-bày những tài-liệu về lịch-sử ở nhà Di-luân (Huế, năm ngoái.

Trong gia-phả chỉ là một dãy tên, ngoài ra không có điều gì cho ta biết rõ-ràng hơn về tổ tiên ông Trà Tiếp. Đại để cũng giống như các điều ông Tiếp vừa mới thuật lại cho chúng tôi ở trên.

— Thưa ông, họ ông di-cư vào đây từ đời Trần, nhưng gia-phả này xem chừng như mới viết đây, ước hơn trăm năm. Vậy ông còn có tập nào nữa không?

— Theo lời cha tôi dạy lại thì hồi trước gia-phả của họ chúng tôi dày lắm, và có kèm thêm nhiều giấy-má rất quan-hệ. Nhưng đời trước có một ông tộc-trưởng điên, đem đốt hết. Bản-này là do cố tôi, nhớ đi ợc điều gì thì sao lại đó thôi.

Tôi mân-mê tập gia-phả họ Trà trong tay.

Một ông tộc-trưởng điên?

Phải chăng là vì trong gia phả và giấy-má ấy có nhiều điều rất quan-hệ về người Chàm. Ông tộc-trưởng hồi ấy, còn chàm nhiều hơn ông này, không muốn lưu cho hậu-thế, nhất là cho người An-nam, những điều bí-mật của nước Chàm, nên đã đem đốt hết? Rồi sau này con cháu không hiểu lại bảo là ông điên.

Họ Trà gốc-tích ở Nghệ an?

Ông Chống và ông Đụn phải chăng là người Việt từ Nghệ-an vào đây thực. Dưới triều Trần, Chiêm Việt giao-hảo với nhau: Chiêm-vương Simhavarman cưới Huyền-Trân công-chúa, thì người Việt, như ông Chống và ông Đụn, vào đây, lấy một chiêm-nữ họ Trà là việc có thể được. Rồi người Chiêm-thành theo chế-độ mẫu-hệ, nên con cháu lấy họ mẹ là họ Trà còn họ Việt (Nguyễn, Trần, Hồ, gì đó) thì bỏ đi. Vì vậy nên này tuy không mang họ An-nam, mà các ông họ Trà ấy lại tin rằng mình vẫn người An-nam từ Nghệ-an di cư vào....

Tôi mãi triền-miên suy-nghĩ thì ông Trà-Tiếp hỏi:

— Ông bảo tôi người Chàm. Theo ông thì tổ tôi tên là gì?

Cách đây 470 năm có dòng họ Trà làm vua ở nước Chiêm-thành. Chiêm-vương ấy người mình gọi là Trà-Toàn, em là Thi-Nại. Vậy có lẽ ông là giòng-dõi họ Trà ấy. Tuy vậy, cách đặt tên họ ở Chiêm-thành rất khác ta, và khi ta viết sang chữ Hán tên Chiêm thì cũng viết sai đi nhiều lắm. Vả lại, người Chàm tuy thường kết hôn với bà con cùng một họ, (1) nhưng cũng có thể lấy người họ khác. Rồi do đó ta có thể nói rằng họ của con cháu ông Chống ông Đụn cũng đổi nhiều lần. Vì vậy, vấn-đề này khó giải-quyết lắm chứ không dung-dị như tôi mới thưa cùng ông.

Ông Trà-Tiếp vuốt râu, cặp mắt mơ-mộng.

— Thưa ông, ông ở đây đã lâu có biết điều gì ở các tháp tại làng Đồng-dương này không?

— Đời trước ở đó là một đống gạch to lớn, do các tháp đổ gây nên, dân-gian thường đến tìm vàng và bảo-vật. Chính tôi có tìm được một cái tượng Phật bằng đồng to và cao như cháu này (ông vừa nói vừa chỉ cho chúng tôi một cậu bé ước 9, 10 tuổi đang trố mắt đứng nhìn). Nhưng sau có ông « bác-vật » về lấy đi. Về chuyện các tháp đổ cha tôi có thuật lại rằng, khi tháp Tối sập, thì nghe ù một cái thật to, chính dưới phủ cách đây 40 cây-số, người ta cũng nghe được tiếng ù ấy. Việc ấy xảy ra năm Tỵ, cách đây ước chừng trăm năm.

— Gì Tỵ?

— Tôi không rõ, chỉ nghe nói lại năm Tỵ thôi. Hồi năm trước có ông « bác-vật » về ở đây, đào gạch và tìm được rất nhiều tượng Phật.

Chẳng có điều gì hỏi thêm nữa, chúng tôi cảm ơn và cáo từ ông Trà-Tiếp. Ông tiễn chúng tôi một đoạn xa, trước khi chia tay, không quên hỏi:

— Thế thì tôi là dòng-dõi hoàng-phái nước Chiêm-thành?

— Nói theo người Việt-Nam ta thì có lẽ ông là con cháu ngoại của họ Trà, làm vua ở nước Chiêm-thành đời trước.

Trong cặp mắt mơ-màng suy-nghĩ của ông tộc-trưởng họ Trà, hình như đã thoáng qua trong giây lát, những thời kỳ oanh liệt bi đát của giống dân Hời.

VI. — *Đồng-dương tại nhà Bảo tàng Parmentier*

Như trên kia tôi đã nói, phần nhiều những tượng thần, tượng phật, cái gì có thể đem đi được thì người ta có đem chưng bày tại nhà Bảo-tàng Parmentier ở Hà-nội, trong một căn phòng dành riêng cho Đồng dương.

Bước qua khỏi cửa, một bệ đá đồ-sộ làm cho ta phải chú-ý đến ngay. Chung-quanh bệ đều chạm tỉ-mỉ; góc phía trước và hai bên tả, hữu có chạm bực cấp và những tấm bảng, bảng nào cũng ẩn vào giữa những kiểu trang sức tuyệt-mỹ. Nhưng đẹp hơn nữa là các cảnh chạm trên những bảng ấy.

Đây: một bà hoàng nhân-du, nghiêm-chỉnh trên cái kiệu...; đây:

(Xem tiếp trang 14)

Thống chế Pétain đã nói:

« Cá-nhân chỉ tồn tại vì gia-đình, vì xã-hội, vì Tổ-quốc mà chính họ vừa ra đời đã được hưởng-thụ đủ mọi cách thuận tiện để sinh-hoạt ».

« HẬU-LAI ÁCH-TRÍ »

(L'AVENIR DE LA SCIENCE)

của REN tiên-sinh

Số 2

Thịnh-quang ĐỖ THÚC

Tiên-sinh vốn là một nhà khảo cổ, lại rất tinh về sử-học, cho nên đã nghĩ ra lắm ý-kiến rất sáng-suốt về sự loài người ta tuần-tự khai-hóa; những ý kiến ấy kể ra cho hết, thì khá nhiều, nay xin thử lược một đoạn như sau này: (trang 301-314):

Cứ tiên-sinh đã xét ra, thì việc con người ta, tri-thức rất gần-dị ứng hành về một sự vật phiền-phức, tách ra có ba việc: 1 là) trông đại khái lờ-mờ tất cả; 2 là) trông rõ các phần nhỏ riêng ra; 3 là) gồm-góp tất cả mà biết tỏ các phần-tử; tinh-thần giống người ta tiến-hành cũng quá ba nơi quang-cảnh có thể dùng ba cái danh-hiệu là *tóm đại cương* (syncrétisme), *phân khảo* (analyse), *hợp cứu* (synthèse), tương-đối với ba đoạn kia trong việc trí-tri.

Tinh-thần của nhân-loại về thủa xưa, người ta thường tưởng là hồi đơn-sơ thế mà lại là hồi hỗn-tạp, hỗn-mang. Ở nơi quang-cảnh thứ nhất của tinh-thần giống người phát hiện ra, có thứ sách thánh. Xin hãy lấy các pho sách kinh thánh của những dân-tộc đời cổ mà xem, trong ấy có những gì? Tất cả cuộc sinh-hoạt siêu-hình, tất cả tấm lòng của một nước, như là thường nói quốc-tuý. Văn-thơ cả nước ở đó, kỷ-niệm các vị anh hùng trong nước ở đó; luật-pháp, chính-trị, luân-lý cả nước ở đó, quốc sử ở đó, triết-lý, cách-trí cả nước ở đó; tóm lại, tôn-giáo cả nước ở đó.

Trong quang-cảnh thứ nhất ấy, giống người ta tư-tưởng chỉ nom thấy có một thế-giới mà thôi; đến hồi thứ hai, thì tư-tưởng thấy có hàng nghìn thế-giới, hay là trong sự-vật gì cũng thấy một thế-giới. Con mắt không nom rộng-rãi trông xuối sâu xuống, không nom về chiều ngang bằng, nhưng nom về chiều dọc xuống, không bơ-vơ lạc-lối ở nơi chân giời bao-la man-mác vô cùng, chỉ đứng yên ở trên nơi lục địa, ở nơi đích-thân mà thôi. Ấy là đến hồi quan-sát từng phần nhỏ chân-thực, có chuẩn-đích, có phân biệt, con người ta không lần-tác, làm ra mới-mẻ nữa, con người ta phân cứu khối tư-tưởng, chia ra từng miếng, từng mảnh.

Trong hồi tóm đại-cương thì tất cả những tài-liệu chồng-chất không phân-biệt rõ-ràng như việc phân-cứu không có về hợp nhất đẹp-đẽ bởi xử hợp cứu hoàn toàn mà gây nên. Chỉ đến hồi thứ hai, thì các phần-tử mới vạch ra minh-bạch, mà phải thừa nhận có thiệt về đàng hợp-nhất, về thủa xưa hình như đã phát hiện được cái về hợp nhất ấy. Đến hồi sau thì là con số đa, con số phân nó hiện ra, cho đến hồi hợp-cứu thì lại gom-góp các phần-tử trở-trọi kia, mỗi phần đã ở riêng sinh-hoạt, rồi lại chung đúc lập hành cuộc hợp nhất cao-thượng vậy.

Cứu kỳ thực, thì phép-tắc nhởn-nhao ấy không phải chỉ là điều luật trí-tuệ của giống người ta mà thôi đâu, một cái mầm khởi tiên hợp đủ toàn thể, có các phần tử, sinh-trưởng tuần tự mà nhởn lên, mỗi phần tiến-hành riêng phần ấy, đến sau vì sự tiến-hành riêng thế mà lại hợp-nhất, phàm chúng sinh đều tuân phép ấy cả. Chỉ có một cái mầm mà chứa sẵn đủ năng-lực cả toàn-thể của muôn-sinh sẽ có ngày thành thân, cái mầm nầy ra gây hình đều-đặn hợp qui-củ, năng-lực trước còn chứa sẵn ấy, sau thành sự thực, nhưng không có chất gì tân-tác, chẳng có chút gì thêm mới vào đấy. Renan tiên-sinh đã thường mượn cầu thi dụ nầy để bày-tỏ ý-kiến kia, có hiệu-nghiệm, là một sức sợi gai đồng chất, người ta kéo riêng ra từng giây nhỏ một, cả sức gai ấy là sự tóm đại-cương, tất cả bản tính thiên-nhiên có lẫn-lộn cùng ở đấy, những giây nhỏ là công-việc phân-khảo. Nếu mà thí-dụ những giây nhỏ tách riêng ra rồi sẽ chập lại để làm nên một đoạn giây to, ấy là sự hợp-cứu, so với sự tóm đại-cương hồi sơ khởi có khác là những phần-tử dù kết cả làm một khối, nhưng vẫn phân-tách riêng từng phần một.

Tiên-sinh đặt ra một điều giả-thuyết ấy không có ý tưởng đấy là một nhời đạo-lý bất-dịch gì, nhưng chỉ coi như bài ca trường-thiên về muôn vật có phép tắc mà thôi, những qui-củ của tạo vật cũng không khác gì vậy. Con số hợp nhất khởi tiên không hoạt-động vì có hoạt-động ắt phải có sự phân-tách các phần nhỏ tương đối. Cuộc sinh hoạt hồi ấy tuy có, mà cũng như không vậy, bởi chẳng có cái gì phân tách ra; tất cả toàn-thể ở đấy, không thấy biệt nhất-cá nào, mà cũng không thấy sinh-hoạt ở riêng. Cuộc đời chỉ khởi đầu từ hồi con số hợp nhất tối-tăm lờ-mờ kia mở mang ra thành cái số đa, thành vũ-trụ. Nhưng con số hợp-nhất cũng không phải là hình thức đầy-đủ; sự hợp nhất ở đấy không rõ lắm. Có tinh-thần, thì lại trở về cuộc hợp-nhất, vì cái tinh thần ấy chỉ là một mối kết quả duy-nhất của số nhiều tài-liệu tạp-phức mà thôi.

Ý-kiến của Renan đã bày ra nay lược qua đây, cũng thấy đặc-sắc thâm-thúy của nhà triết học, hàm cách-vật trí-tri.

Trong quyển sách của tiên-sinh, mà nay ta đem ra xem xét, có ít đoạn bây giờ ra vẻ cũ kỹ vì thời-sự có thay đổi, nhưng còn lắm khúc nay còn có thể bổ ích cho việc khai trí, tiến đức, còn có thể giúp-đỡ cho sự tập luyện tinh-thần con người ta, vì tiên-sinh đã quan sát sự-vật về phương-diện loài người, mà phán-đoán nhẽ gì thì có ý công-minh. Tiên-sinh đã viết:

« Một món tâm-tình đẹp có giá-trị bằng một mối tư-tưởng đẹp, một mối tư tưởng đẹp cũng bằng một sự nghiệp đẹp, một lý-thuyết về triết-học đáng giá bằng một bài thơ, một bài thơ bằng một việc phát minh về khoa-học, một đời người cần-cù về khoa-học bằng một đời đạo-đức vậy. Nhân vật hoàn-toàn có nhẽ là vị nào kiêm đủ tài thơ, tài triết-lý, tài khoa-học với đức-hạnh, mà không phải chỉ thỉnh-thoảng có từng lú; giản-đoạn (nếu thế, chỉ là hạng tầm-thường mà thôi), nhưng có trí-tuệ sáng-suốt thâm-trầm, suốt cả đời lúc nào cũng vậy, khi triết lý thời vịnh thơ, khi làm việc cách trí khoa-học thì triết-lý, tóm một nhời là người ấy có đủ tài-liệu về nhân-quần gom-góp làm một mối điều-hòa cao-thượng cũng như trong cõi người ta vậy. Đương thời buổi chúng ta nay, hay khảo-cứu chi-li tỉ-mỉ, có nơi nhược-điểm, vì thế không thể làm được việc duy-nhất cao-siêu ấy; cuộc đời trở nên một nghề, một sự-nghiệp, phải phô-trương tài danh-hiệu là người làm thơ, thi-nhân, là người thợ khéo, hay là người chuyên khoa-học, lập thành một thế-giới cỏn-con ở riêng, không hiểu chi đến những công việc khác nữa, thường thường lại coi những việc khác kia như không vậy. Đấy là một sự cần-thiết của tinh-thần nhân-quần ta hiện nay, không có thể tưởng đến sự chối cãi rằng không, nhưng ta phải nhận thật rằng lối hoạt động ấy dẫu rằng vì sự cần-thiết mà dung thứ được, nhưng có trái-ngược với thể-thống của giống người ta, với sự hoàn-hảo của cá-nhân » (trang II).

Tiên-sinh nghĩ thế, khiến ta phải lo-ngại cho con người ta. Nhưng vì các khoa-học mở-mang một cách mau chóng, rất phiền-phức ở thế-kỷ nay, một người mà muốn am-hiểu tất cả bao nhiêu chi phải cách-vật trí-tri thì là sự không thể làm được. Vì thế, có các nhà chuyên-môn để cho biết được tinh-vi khu-vực của mình, còn hơn ôm-đồm biết nhiều khoa-học mà chỉ biết hàm-hồ, như thế có nhẽ vô-bổ cho sự nhân-quần nên-bộ về đường tinh-thần chăng? Nhưng ta không nên học mỏi này mà chê mỗi kia vô-vị; nhà văn sĩ mơ-tưởng phảng-phất không nên giễu-cợt nhà toán-học đo-lường từng ly từng tấc hay là người chuyên môn về sinh-lý-học, nghiên-cứu lầu-thần, nuôi vi-trùng trong những lọ kia. Tất cả những người dụng trí mà làm việc, tuy công-trình tiến-hành theo đuổi mục-đích khác nhau, nhưng nút-cục như cùng một nhà.

Dẫu chỉ chuyên về một công việc gì trong khu-vực khoa-học, con người ta cũng phải theo cái bản-tính thiên-nhiên mà đã có lúc nghĩ vượt ngoài khu-vực chật hẹp ấy. Vì sao? Tiên-sinh đã giả nhời rằng: « Con người ta đứng trước vũ-trụ mà cứ lãnh-đạm không thể được, khi đã tư-tưởng thì tìm kiếm, tự đặt ra những bài tính đố rồi tính-toán cho ra mối-mành, phải có một lý-thuyết về thế-giới, về bản-thân về chân-nguyên, về căn-bản của mình, về sự kết-cục đời mình. Người ta không sẵn những tài-liệu cần dùng để đáp lại những câu vấn đề tự mình hỏi mình; có hề chi. Thôi cứ tự ý riêng mà bầy đặt ra để bổ vào những điểm-khuyết ấy. Bởi vậy, có những sự cung-kính cổ-sơ là những bài giải-quyết tạm thời một vấn-đề cần phải nhiều thế-kỷ lâu dài mới tính

(Xem tiếp trang 21)

INDRAPURA...

(*Tiếp theo trang 11*)

một vị vua ngồi xếp bàn tròn trên lưng ngựa, đem theo ít người tùy-tùng đi nhàn lãm...; đây: những đạo quân ồ-ạt, có voi đi kèm, ngất-nghểu trên bành voi là những chiến-sĩ vạm-vỡ, đương những cây cung to hơn người...; đây: những thiếu nữ mơ-màng dưới bóng cù-thụ...; đây: những nhạc-sĩ, say-sưa, nghiêng-ngửa trong khúc-điệu của mấy cây đàn to-lớn...; đây: trong cung-điện huy-hoàng vua đang thủ-thỉ cùng cung-nga mỹ nữ...; đây: hai đoàn thiếu-nữ, thân-hình mảnh-dẻ, lưng ong, ngực nở, vú tròn, đang gặp nhau và trò-chuyện... v. v... (2)

Trên bệ đá ấy, một tượng thần Çiva đang mỉm cười, nhếch hàng râu mép thanh-thanh, và mở ba con mắt: một con ở giữa trán. Çiva này ngồi kiểu chà-và: tay phải ôm đầu gối của chân phải dựng cao, tay trái nắm thanh gươm rất ngắn, kê trên đầu gối của chân để nằm. Mình đánh trần, hai chân quấn một cái chăn, đầu đội mũ «mukata» hai tầng, cổ đính vào ba hình lá mít chạm rất tỉ-mỉ, phía sau đầu nở một đóa cúc to, hai tai cũng đeo hai hoa cúc. Đỡ Çiva là một bệ đá nhỏ (kê trên bệ đá lớn nói trên kia) hình khối-vuông, bốn phía có chạm đầu sư tử nhe răng trợn mắt.

Khít tường, sau lưng Çiva ấy, đứng một thần Çiva khác tay trái nắm thanh gươm gãy chỉ còn chuôi, hình tuy cũng để trần, nhưng có mang thêm một cái nịt giữa bụng, một miếng hộ-tâm hình quả tim và hai cái lon hai bên vai: lon, nịt, hộ tâm đều chạm theo kiểu trang-sức chàm, nghĩa là những nụ nho nhỏ, trộn lẫn trong những đường giây xoắn-xít.

Hai bên kệ, khít tường, mỗi bên một ông Hộ-pháp (Dvarapala) bằng đá, to hơn hai người thường, đang đè bẹp một con bò dưới chân, và đang đánh nhau với một chiến sĩ nho nhỏ từ trong miệng bò hùng-hổ chun ra. Hộ-pháp, tay phải sử-dụng một thứ binh-khí khó nhận rõ, tay trái giữ lấy ngực, trợn hai con mắt tròn xoe để đội lông mày rậm giao nhau trên mũi hếch, há miệng, nghiến răng làm lòi hai nanh lớn của hàm trên, và uốn cong bộ râu mép. Vì dùng sức quá hăng nên mình hơi lao về trước, và, dưới cằm, bốn sợi gân cổ kéo da, nổi cao trên thịt.

Có lẽ để cho tiện việc chiến đấu, nên Hộ-pháp đánh trần trùng-trục, chỉ mang có mỗi một cái chăn ngắn có sọc, phía dưới lại thêu những đường sọc nhỏ hơn. Một cái mũ «mukata» giống như mũ của Çiva, dựng không hất tóc, nên một ít lọn vùng-vằng trên hai vai. Đồ trang-sức thì có: vòng cổ tay, vòng cổ chân, và nịt cùng giây-choàng chạm thành rắn bá đầu ngóc thẳng.

Trước bệ thần Çiva, kê sát vào hai tường tả hữu hai bên, có hai bệ cũng bằng đá, cũng chạm trổ rất tỉ-mỉ công phu.

Một tượng Phật khổng-lồ ngồi trên kệ bên phải. Tôi chưa thấy một tượng nào «sống» như tượng này, mặc dầu đã mất đầu, chỉ còn cái cổ gãy lởm-chởm. Trước nó, ta thấy bồi-hồi cảm-động. Mấy lớp nhau của áo cà-sa khỏa từ trên vai trái (vai mặt để trần) hình như khe-khẽ động trên ngực, theo nhịp đập của quả tim đại-từ đại-bi; rồi phủ hai đầu gối, rũ xuống thấu cổ chân; đến đây, hình như theo chiều một cơn gió phiêu-diêu, mảnh cà-sa hơi tạt về một bên. Hai bàn tay ôm hai đầu gối, mấy ngón móng cắt cụt đương mân-mê và se-sẽ ấn xuống vải của cà-sa. Đầu gãy, thực là một điều đáng tiếc vì nhà nghệ-sĩ đã làm cho ta bồi-hồi trước mười ngón tay ấy, trước những đường xếp của mảnh áo cà-sa linh-động

Đã có bán

TRÔNG GIÒNG SÔNG VỊ

(Văn-chương và thân thế Trần tế Xương)

Một kiệt tác của

TRẦN THANH MẠI

Kỳ tái bản này tác-giả đã dày công sửa chữa.

Sách ngót 200 trang. Giá 1$90

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT

99, LÃO GIÁI — Hanoi

Đón coi

Tác phẩm viết công phu nhất của *NGUYỄN TUÂN*

QUÊ HƯƠNG

Hơn 500 trang. In đẹp

Bản thường: 5$00

Giấy quý: 20$00.

Nhà xuất bản

Anh Hoa

69 Rue du Charbon-Hanoi

trên ngực, thoi-thóp trước bụng, uyển-chuyển dưới chân như thế, thì chẳng cũng đã gối lại được trong đá một gương mặt đầy vẻ tươi sống, nhận-từ của Phật.

Bệ của tượng Phật cũng chạm tinh-tường và đẹp-đẽ như bệ của tượng Çiva; có một điều khác nhau đáng chú ý là dưới chân Phật, có những bức chạm hai người chắp tay cầu-nguyện trên đầu những con sư-tử.

Đối diện với tượng Phật, phía trái, là một cái kệ khác, cách chạm-trổ cũng giống hai kệ trên; nhưng tại kệ thứ ba này, xen lọn vào các bảng chạm cảnh, người, có những bảng chạm sư-tử. Trong các bảng chạm cảnh, người, ta cũng nhận thấy vua đi chơi, ngồi xếp bàn tròn trên lưng ngựa, vua ở trong điện với cung-nga mỹ-nữ. Tựu trung có bảng chạm đông người ngồi trên những cái đòn thấp, ý-hẳn là đang bàn-bạc một điều gì quan-trọng.

Trên kệ thứ ba này, bốn người khảng đá, tóc xõa trên vai sắp hàng ngang nhau, đang vừa chạy thực nhanh vừa đội một cái khay nay đã sứt mẻ. Người chạy ở ngoài hết, thì ta mới thấy đầy đủ toàn thân-thể, chứ người thứ hai và thứ ba thì chỉ thấy gương mặt thôi: sống mũi cao, vành trán thông-minh; còn người thứ tư thì lút đầu trong đá, nghệ-sĩ không chạm đến, chỉ để cho ta ý-hội thôi. Sở dĩ tôi biết bốn người là vì cách chạm ba gương mặt chồng nhau nhỏ lần và lút dần trong đá, làm cho tôi tưởng-tượng sau ba người nầy còn có thêm người nữa; rồi đến gần đếm thì thấy tám cánh-tay đang cố sức bơi trong không-khí, như muốn bay: bốn tay chuối về đằng trước, bốn tay chuối về đằng sau.

***

Trước khi ra đi, theo lời mời của người canh giữ Bảo-tàng, đến ký trên cuốn sổ để tại phòng Đồng-đường ấy, tôi không khỏi tấm-tắc khen thầm các nghệ-sĩ Hồi.

Trước cảnh thiên-nhiên, trước kiểu-mẫu là các Chiêm-nữ vô-cùng kiều-diễm, nghệ-sĩ ấy đã rung-động một cách sâu-xa; họ đã để lại trên đá những tác-phẩm bất-hủ.

Đến nay, tuy trải qua bao nhiêu lớp bể-dâu, những tượng, bức chạm, đã bị phá, đẽo, gãy, mẻ nhiều nơi, nhưng cũng không phải vì thế mà bớt đẹp. Trái lại, từ tượng Phật to-lớn cho đến các con-người bằng đá nho-nhỏ, có kẻ không to quá ngón tay cái người lớn, vẫn « sống », vẫn hoạt-động, vẫn làm cho người xem cảm-động bồi-hồi, đi không muốn dứt.

Mai sau, dù cho đến lũ người Chàm cuối-cùng đã thở hơi cuối cùng trong túp nhà sàn quạnh-hiu, sập nát, thì dân-tộc Chiêm-thành vẫn sẽ còn sống, còn mãi-mãi sống trong những tác-phẩm mà tại đó họ đã gởi lại bao-nhiêu nhịp rung-động của quả tim, bao nhiêu tinh-thần nghệ thuật.

(Hết)

MẪN-KHÁNH ĐƯƠNG KỲ

1) Xem Histoire de Champa của Maspéro, trang 17, chú thích 5.

2) Có người bảo rằng các bảng chạm này kể sự-tích của Hoàng tử Siddharta (Phật Thích-ca khi còn làm Hoàng tử).

Giá báo

Mỗi số	0$30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

Sách của

Nhật Nham TRỊNH-NHƯ-TẦU

a) Đã được Hội-Đồng duyệt sách cho dùng trong các Học Đường Đông Pháp

1) Trịnh-gia Chinh Phả — *Giá cũ 0$40*

2) Gương Luân Lý (hết).

3) Hưng yên địa chí (hết)

4) Bắc giang địa-chí dầy 284 trang, có bản đồ phụ đính Giá cũ 1$50

b) Vị tiền. (Xã-hội tiểu-thuyết) — *0$25*

Hoa xưa ong cũ. (Hài-kịch) — *0$30*

Từ Hanoi đến Hồ Ba Bể (du-ký) — *2$00*

Có bán tại các hiệu sách năm xứ và tại địa-chỉ tác-giả:

Nhật-nham Trịnh-như-Tầu

Tham-tá phủ Thống Sứ Bắc-kỳ

hay biên-tập-viên báo Tri Tân 95-97 Rue Chanceaulme Hanoi

« Sử-học luận-đàn »

NGÔ-THÌ-NHẬM,

vua QUANG-TRUNG thời bình

(*Tiếp theo*) *của* SÔNG-BẰNG

Kỷ hết sức tán thành cho Nhậm. Và, tỏ ra là người có đôi mắt tinh đời, Bắc-bình vương không những biệt-đãi Nhậm còn vui mừng tuyên-bố : « Chúa Trịnh không biết dùng người, thật đã phí mất một nhân-tài. Có lẽ trời dành riêng người này cho ta. Ta phải giao cho hắn một trọng-nhậm để khỏi uổng mất tài của hắn ».

Liền đó Bắc-bình-vương sai thảo chỉ, phong Nhậm làm Lại-bộ tả-thị lang, tước Tình phái hầu và cho phép Nhậm tiến dẫn nhân tài Bắc-hà ra làm quan như thị-trung ngự-sử Phan huy Ích, hiệp-biện đại học-sĩ Nguyễn thế-Lịch Nguyễn bá-Lan v. v.

Cảm-kích về cách ưu-đãi của Bắc-bình vương, Ngô-thì-Nhậm đem hết tài an bang tế thế ra phụng-sự chủ mới. Có thể nói là Nhậm đã dọn đường cho Bắc-bình vương chiến-thắng 20 vạn quân Tôn Sĩ-Nghị, và, khi công việc của chiến sĩ Nguyễn Huệ tạm ngừng, thì chính nhà cai-trị Ngô thì-Nhậm đã bàn gắn lại những vết thương quốc-gia.

Tuy Nhậm và một số đông bạn đồng-hiệu thần-phục Nguyễn Huệ nhưng cũng còn rất nhiều Lê thần vẫn cố giữ sĩ-khí đến phút cuối cùng, nghĩa là hy-sinh tinh-mệnh để bảo toàn tiết tháo.

Triều-đình yếu-ớt nhà Lê đồ hẳn. Rồi, chịu bao nhiêu nỗi khổ-cực trong lúc lang-bạt khắp đó đây, vua Lê Chiêu-Thống mất hết định kiến, đành phải « bám » lấy viên Lưỡng Quảng Tổng-đốc nhà Thanh là Tôn Sĩ Nghị.

Nghị lợi dụng cơ-hội tốt xin vua Càn-long cho mình để binh thôn-tính nước Việt Nam, đặt làm quận, huyện của Tàu. Ý muốn mở rộng cương-thổ về phía Nam khiến vua Càn-long ưng-thuận, sai Tôn Sĩ-Nghị chia quân Lưỡng Quảng và Vân, Quý làm 2 đạo sang An-nam. Lúc này đại đội binh-mã của Bắc-bình-vương Nguyễn-Huệ đã lui vào Thuận-hóa. Việc quản-trị Bắc-hà, Vương giao cho 2 người là Đại-tư-mã Ngô văn-Sở và văn-Thần Ngô thì-Nhậm. Được tin quân Tàu kéo sang, Sở họp tất cả các quan lại trưng cầu ý-kiến.

Chưởng-phủ là Dụng bàn nên giữ chắc các nơi hiểm-yếu rồi sẽ dùng lối mai-phục tổng công-kích địch quân, nhưng Ngô thì-Nhậm gạt đi và nói :

— Phép dùng binh chỉ có đánh với giữ. Người Tàu chuyến này sang đây thanh-thế lại to lắm. Quân ta nếu ra khỏi thành là bị dân-gian bắt giết ngay mà lính Bắc hà thì hễ có cơ-hội là lần trốn. Mang hạng quân-lính ấy đánh giặc chẳng khác nào như đuổi 1 đàn dê đấu nhau với hổ. Còn đóng cửa giữ thành thì lâu tất sinh biến dù có tướng giỏi như Tôn-Vũ, Ngô-Khởi cũng không sao ngăn cản được địch quân. Chúng ta lúc này thật chẳng khác gì con trạch trong giỏ cua, đánh cũng không xong mà chống cũng chẳng được. Chỉ còn một kế là thừa lúc địch-quân chưa kéo đến, ta nên cho thủy quân tải lương ra bể rút về Biện-sơn đóng đồn, lục quân thì lui về giữ núi Tam-điệp rồi sai quân vào Thuận-hóa cáo-cấp với chúa-công để tùy Ngài định-liệu ».

Cho kế ấy là phải, Ngô văn-Sở mật truyền các tướng rút quân. Thế là công-nghiệp chiến thắng của Bắc-bình-vương phải xây bằng máu thì công-nghiệp của Ngô Thì-Nhậm chỉ tóm-tắt trong ý-nghĩ. Vì rút quân về Tam-điệp có kỷ-luật, nên sau này Ngô văn-Sở và Ngô thì-Nhậm mới sẵn-sàng cung cho vua Quang trung 1 đội quân dũng-mãnh.

Tài thao-lược của Nhậm, vua Quang-trung đã nhận thấy rõ rệt, nên khi kéo quân ở Thuận-hóa ra Tam-điệp, nắm chắc cuộc toàn-thắng Tôn Sĩ Nghị rồi, nhà vua niềm-nở bảo Nhậm :

— « Ta ra Bắc chuyến này là để coi việc quân, đánh giữ thế nào đã có định-kiến. Chẳng qua chỉ trong mươi ngày là đuổi xong quân Tàu. Nhưng nước nó lớn gấp 10 nước ta, sau khi bị thua tất nó lại đem quân sang đánh báo thù. Việc chiến-tranh sẽ không bao giờ hết. Vậy sau này chỉ nên dùng lời nói ngọt mà tránh việc can-qua. Nhiệm-vụ ấy ta giao cho nhà ngươi. Chờ mươi năm nữa, nước ta giàu mạnh thì có sợ gì nó ».

Quả nhiên chỉ trong vòng 5 ngày, quân Việt-Nam dưới quyền chỉ-huy của vua Quang trung đã khiến 20 vạn quân Tàu phải mang cái nhục chiến-bại về Trung-quốc. Nhưng, được mà vua Quang-trung vẫn không mừng. Rồi, tự liệu là nước Việt-Nam chẳng đủ lực-lượng để đối-trọi với Trung quốc 1 cuộc chiến-tranh lâu dài, vua Quang-trung ủy Ngô thì-Nhậm dùng lối ngoại-giao khiêm-nhượng mưu cuộc hòa hoãn.

Chính trong lúc thực hành đầy đủ sứ mệnh, Ngô thì Nhậm mới đem hết tài-hoa lỗi lạ khuông phù nhà Tây sơn để cho ngôi sao chanh-trị của mình càng ngày càng rực-rỡ.

Theo thường lệ, kể từ đầu đời Đinh (968-979) đến cuối đời Hậu Lê (1533-1788), nước Việt-Nam tuy cũng có mấy lần đại thắng quân Tàu, nhưng cứ mỗi khi thắng trận, vua Việt-Nam lại nhún nhận tuyên-bố cùng Trung-quốc vừa thua trận là họ không thua và lại còn phái « sính-sứ » sang cống-hiến Bắc-triều.

Ở vào trường-hợp vua Quang-trung thì không thế. Là vì, mọi lần khác, vua Việt-Nam cầu-cạnh xin hòa thì lần này hòa-nghị xuất ở Phúc Khang-An, tổng-đốc Lưỡng Quảng. Chính Phúc Khang-An đã ủy viên Thái-bình phân-phủ biên thư riêng cho Ngô thì-Nhậm yêu-cầu Nhậm xướng lên hòa-nghị. Nhưng, đáng lẽ phải uốn mình tạ tội cùng Bắc-triều (như các triều đại trước) thì Ngô thì-Nhậm, với ngọn bút đanh thép, đã tỏ ra không sợ-hãi gì Trung-quốc. Nhậm đã cứng-cỏi viết : « Nếu không may việc chiến-tranh kéo dài mãi thì chúng tôi sẽ chẳng giữ phận nước nhỏ thờ nước lớn. Lúc ấy muôn việc đều ở trời, chúng tôi không dám biết đến ».

Đọc những giòng này, Phúc Khang-An tuy phẫn-nộ nhưng vẫn phải nén lòng, cung như vua Càn Long, phải bó buộc giảng hòa. Bảo rằng Ngô thì-Nhậm là vua Quang trung thời bình cũng không phải là quá đáng. Vì, Nhậm không những là nhà ngoại giao khôn khéo biết « cứng » khi nào cần phải làm cho người Tàu kính-nể nhưng cũng biết « mềm » khi nào muốn có một cuộc hòa hoãn. Lại nữa, sau khi đuổi được quân Tàu rồi vua Quang-trung quay về Phượng-hoàng trung-đô việc nội-trị và ngoại giao giao cả cho Ngô thì-Nhậm cũng như việc binh bị đều tin-cậy vào Ngô văn-Sở thì cuộc giao-tiếp của Trung-quốc và nước Nam về đời Tây-sơn ở cả ta Ngô thì-Nhậm.

Nhậm khéo-léo trong cuộc dùng sức mạnh của ngòi bút khiến thanh thế nước Việt-nam đã lớn, càng lớn thêm. Do đó, từ bước tê-liệt ở cuối đời Lê Trung-hưng, nước Việt-nam ngang-nhiên « nhảy » lên địa-vị hùng cường khiến vua quan nhà Thành phải nhìn ngó bằng con mắt e-dè, kiêng nể. Việc vua Quang-trung xin bãi lệ cống người vàng mà vua Thanh Càn-long bỏ qua không hỏi đến nữa, kết-quả cũng là do ngòi bút Ngô thì-Nhậm một phần. Đã thế, nhờ ở tài ngoại-giao khéo-léo của Nhậm nên Bắc-triều không những đã phong vua Quang-trung làm An-nam quốc vương mà thời-thường còn sai sứ ban cho khi thì nhân-sâm, khi ngọc quý, quà-cáp nhiều không biết ngần nào. Vua Quang-trung xin tha thuế và mở đường thông thương ở Bình-thủy và Du-thôn, vua Càn-long cũng thuận cho.

Hơn thế, thiên tử Trung-hoa lại còn khao-khát muốn thấy mặt vị anh hùng nước Nam đã đánh bại 20 vạn quân Tôn sĩ Nghị. Chẳng muốn làm mình lòng vua Tàu, vua Quang trung chọn một người giống mình là Phạm Công Trị do các quan văn, võ Ngô văn-Sở, Đặng văn Chân, Phan Huy Ích, Võ danh-Tiêu, Nguyễn Tiến Lộc, Đỗ văn Công, Võ huy-Tấn, Vũ văn-Ích phù sang tận Bắc kinh. Ông vua giả ấy được vua Càn-long đãi ngang hàng với các vị thân vương và được vào làm lễ « ôm gối » thiên tử nước Tàu. Đó là một ân điển từ trước đến nay chưa vị phiên vương nào được hưởng.

Thực hành xong bổn phận trong việc ngoại-giao, Ngô thì-Nhậm mới yên tâm cải-cách chính thể nước Nam sau khi bị xâu xé bởi 2 họ Trịnh, Nguyễn.

Để trừ tiệt mầm phiến loạn, Nhậm chiêu dụ các quan văn vũ cựu thần nhà Lê ra làm quan với triều Tây-son. Lần-lượt Nhậm chỉnh-đốn lại việc học, cần người hiền lương, khuyên dân gian làm ruộng, sửa-sang lại chế-độ khoa-cử.

XIN CHÚ Ý

Nhà in, tỵ Trị-sự và tòa soạn Tri-Tân đều đã gọn cả lên số nhà 95, 97 phố Chanceaulme Hanoi

Các bạn cần hỏi gì về tạp-chí xin hỏi :

Ô. NG. - TJONG PHUONG
chủ-nhiệm

về nhà in xin hỏi :

Ô. TRINH NHƯ-LUÂN
giám đốc

Ngoài công việc chánh-trị và ngoại-giao, Nhậm còn chuyên-chú tâm-lực vào việc soạn sách. Những cuốn : *Bút hải tùng đàm, Thủy vân nhàn vinh, Kim mã hành dư, Hoa trình gia ẩn* v. v.

Nhậm không những đem hết tài hoa lỗi lạc khuông-phù nhà Tây-sơn còn giúp vua Quang-trung dự bị đánh Tàu đòi lại Lưỡng Quảng bằng một tiếng nói có giá-trị là dùng sức của súng, đạn. Nhưng, trước sức mạnh của trời, ông vua vạn thắng ay công-nhiên chịu phần liệt-bại. Lâm bệnh chẳng bao lâu nhà vua thăng-hà (1792) : món thừa-tự nhà ngài để lại đã vượt lên trên sức cáng đáng của con ngài là vua Cảnh-thịnh (1792-1802) lúc đó mới 10 tuổi kết cục nhà Tây-sơn (1788-1802) mất ngôi.

Và, khi vua Gia-long (1802-1820) lấy lại Bắc-hà thì Ngô thì-Nhậm về trí-sĩ đã lâu. Vì có chiếu Nguyễn Vương bắt các cựu thần Tây-sơn phải ra thú nên Ngô thì-Nhậm, Phan huy-Ích, Nguyễn gia-Phiên đều đến Thăng-long.

Theo *Đại Nam thực lục* thì bấy giờ vua Gia-long muốn gửi thư sang Trung-quốc cho quan Lưỡng Quảng Tổng-đốc nhà Thanh hỏi về thể lệ bang-giao nên đã phái lại bộ thiêm sự Lê chính-Lộ, binh bộ mệnh sự Trần minh-Nghĩa lên túc-trực tại Nam quan. Nhà vua vin vào lẽ nước mới khai-sáng muốn lên tận Nam-quan tiếp đón Thanh-sứ và làm lễ tuyên-phong để tránh bớt phiền-phí, liền mang việc đó hỏi ý-kiến Ngô thì-Nhậm và Phan huy-Ích. Cả 2 đều tâu rằng cổ lai quốc vương Việt Nam chưa từng thực-hành như vậy. Vua Gia-long mới thôi không có ý-định trên nữa.

Theo đó chúng ta có thể nói rằng vua Gia-long rất trọng-đãi Ngô thì-Nhậm và Phan huy-Ích. Nhưng số-mệnh éo-le đã bắt Nhậm và Ích chết một cách bi-đát chỉ vì hồi còn làm quan dưới triều Tây-sơn Ngô thì-Nhậm đã khinh-bỉ 1 người. Người ấy là Đặng-Trần-Thường, quán làng Chương-đức, huyện Chương-mỹ, tỉnh Hà-đông, trước đây đã nhờ Nhậm tiến-cử cùng vua Quang-trung. Nhậm cho Thường vô tài, không lưu-ý đến. Thường bất bình, trốn vào miền Nam giúp Nguyễn-vương.

Thu phục xong Bắc-hà, Nguyễn-vương phong Nguyễn văn-Thành làm tổng-trấn Bắc-thành, Đặng Trần-Thường làm phó. Lợi dụng địa-vị của mình, Thường nhỏ nhen nhắc lại việc cũ và kiêu-căng đọc vế đối :

« *Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai, ai dễ biết ai* ».

Cố-nhiên, Ngô thì-Nhậm không bao giờ chịu khuất trước một kẻ mà xưa kia Nhậm coi khinh nên Nhậm ung-dung đối lại :

« *Thế Chiến-quốc, thế Xuân-thu, gặp thời-thế thế thời phải thế* ».

Được dịp trả tư-thù, Đặng-Trần-Thường gửi ngay câu đối đó vào Phú-xuân (Huế) và bịa thêm rằng Ngô thì-Nhậm không có chủ-ý gì về việc vua tôi, ai mạnh thì theo, vua Gia-long dùng Nhậm tất có ngày di hại. Tin lời Đặng-Trần-Thường, vua Gia-long muốn làm nhục Ngô thì-Nhậm và Phan huy-Ích liền bắt cả 2 đến Văn-miếu giám phạt xuy (về tội đã theo Tây-sơn) mỗi người ba mươi roi. Để hả mối thù cũ, Đặng-Trần-Thường truyền cho quân lính đánh thật đau : Ngô thì-Nhậm chết dưới ngọn roi, còn Phan huy-Ích về nhà điều-dưỡng được ít lâu cũng mất.

***

Ngô thì-Nhậm tuy bị chết thảm, nhưng sự-nghiệp bất hủ của Nhậm vẫn tồn-tại khắp giang-sơn Việt-Nam. Ngô thì-Nhậm — ông vua Quang Trung thời bình ấy — quả đã cải-cách nước Việt-Nam về đủ các phương-diện : kinh-tế, xã hội, chánh-trị và văn-học. Tiếc rằng những công-cuộc cải-cách ấy không được thực-hiện lâu dài, nên chưa có kết-quả mỹ mãn trong dân-gian. Tuy thế mặc dầu, những sáng-kiến siêu-việt do Nhậm phát-biểu ra vẫn đáng để chúng ta ca-tụng.

Chúng ta lại còn nhận-chân rằng vua Quang-trung sở dĩ được vua quan Tàu mến phục không những vì võ công oanh-liệt của Ngài mà còn nhờ ở văn-nghiệp Ngô thì-Nhậm. Vì, ở thời-đại nào cũng vậy, sau chiến-tranh, nhà chiến-sĩ thường nhường chỗ cho nhà cai-trị. Do đó, tiếng tăm Ngô thì-Nhậm mới vượt qua biên-giới, tràn lan sang cả nước Tàu. Hậu-thế chỉ biết ca tụng cuộc chiến thắng lẫy-lừng của vua Quang-trung, nhưng người cung cho nhà vua cái kết-quả mỹ-mãn là Ngô thì-Nhậm thì quần-chúng ít khi nhắc đến. Là vì nếu Ngô thì-Nhậm không bàn cùng Ngô văn-Sở rút quân ở Bắc-thành về Tam-điệp (khi được tin Tôn sĩ-Nghị đem 20 vạn quân tràn-rộ sang xâm nước Việt Nam) để vài

hôm sau «tiến» cho vua Quang-trung những đạo quân tinh-nhuệ thì biết đâu dân-gian Việt-nam lại tránh nổi vòng đồ thán, lầm than??? Công Ngô thì-Nhậm trong cuộc đắc-thắng độc nhất vô nhị ấy không phải là nhỏ mà, với ngọn bút cứng cáp, mạnh mẽ và sắc xảo, Ngô thì-Nhậm còn khiến vua, quan nhà Thanh công nhận rằng nước Nam bao giờ cũng sẵn nhân-tài. Chính Lưỡng Quảng Tổng-đốc Phúc Khang-An (sau cuộc thảm-bại của Tôn sĩ-Nghị) cũng thành-thật tuyên-bố cùng viên Thái-bình phân-phủ: «Nam, Bắc giải việc binh-đao, là phúc cho sinh-linh mà cũng may cho các quan ở biên-cảnh. Ta nghe nước Nam có Ngô thì-Nhậm là tay từ-hàn giỏi, các tờ bồi giao-thiệp với nước ta đều ở tay ông ta. Ông nên biến thư riêng cho Ngô thì-Nhậm bảo ông xướng lên hòa-nghị, ta sẽ chủ-trương cho».

Ai chưa biết chữ nho?
Ai muốn học thêm chữ nho?
nên mua quyển
CHỮ NHO HỌC LẤY
Cử nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn
Giá 1$00 — cước thường 0$12 — đảm bảo 0$32
không gửi lĩnh hóa giao ngân — Để cho:
Hiệu Đông Tây 195, hàng Bông — HÀ NỘI
Các tiệm sách mua buôn có hoa hồng hậu

Thế là, trái hẳn với các Triều Lý, Trần, Hậu Lê, lần này nước Việt-nam thắng trận đã tự đọc những điều-kiện cho nước Tàu thua trận. Vì thế, nên suốt lịch-sử Việt-nam không thời-đại nào, vua, quan Trung-hoa trọng-đãi vua, quan nước Nam bằng đời Tây-sơn. Ngoài lễ «ôm gối» mà Thiên-tử Trung-hoa đặc-biệt ban cho giả-vương Việt-nam, vua Thanh Càn-long muốn lấy lòng vua Quang-Trung thời-thường còn sai sứ ban cho Ngài biết bao nhiêu là quà-cáp.

Ngô thì-Nhậm đã đứng chủ-trương cuộc bang-giao ấy bằng lời văn hùng-tráng trái hẳn văn tự yếu-ớt, ủy-mỵ đời Lê. Rồi, trong lúc các nhà nho coi văn nôm là văn tiểu-khiển không đáng kể thì Ngô thì-Nhậm đã cùng Phan huy-Ích mạnh bạo dùng văn ấy vào những việc quan-trọng như làm văn tế trận vong tướng sĩ. Có lẽ Nhậm có cái nguyện-vọng duy-nhất là cung cho nước Việt-Nam một thứ chữ riêng để tránh cho văn gia Việt-nam việc phụng-sự văn-hóa Trung hoa từ thể-chất đến tinh-thần, từ hình-thức đến đạo-lý. Sự thiết-tha lấy việc trau-giồi quốc-văn làm phận-sự thật là một lợi-khí để rèn-luyện quốc-hồn.

Hiện-thời trong rừng văn nước ta có vất nhiều hoa kỳ, cỏ lạ đặc-sắc chẳng kém gì danh văn Âu, Mỹ hay Trung-hoa thì công của Ngô thì-Nhậm đối với cuộc cải-cách kể trên thiết tưởng cũng không phải là nhỏ.

Luận về Ngô thì-Nhậm, nhiều sử-gia đã vin vào vụ án năm canh-tý, tặng Nhậm một vết nhơ mà sự-nghiệp lừng lẫy của Nhậm không thể xóa nhòa được. Quần chúng còn chê Nhậm không biết bảo-toàn danh tiết vì ông cha Nhậm kế thế ăn lộc nhà Lê mà Nhậm, trái hẳn lại, đã thờ kẻ thù làm chúa. Lời chê-trách ấy khắc-nghiệt quá vì nếu ở đời thành, bại, hưng, vong đã là sự thường thì khi hai người anh hùng đuổi một con hươu tất người họ gọi người kia là cừu-địch. Vua Quang-trung làm vua, danh chính, ngôn thuận thì đúng lý ra các bậc nhân-tài trước hết hãy nên nghĩ đến quyền-lợi quốc gia, cố đem tài hoa lỗi-lạc ra khuông-phù xã tắc, hà tất phải khư khư giữ lấy cái ngai vàng đổ nát của triều Lê? Phải chăng Ngô thì-Nhậm đã nghĩ như vậy nên mới bỏ nhà Lê, thờ nhà Tây-sơn???

(Hết)

SÔNG-BẰNG

ĐÃ CÓ BÁN
Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.
BỊNH HO LAO
những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4$00
của Bác-sĩ ĐỖ-VĂN-NGÔN
TỔNG PHÁT HÀNH:
Hanội: Hiệu sách Đông Tây 195 Hàng Bông
Huế: Hiệu sách Văn Hóa 29 Maréchal Pétain
Saigon: Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourain.
Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng Xin hỏi nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.

Tạo-hóa và nhân-loại

Số 6

MINH-TUYỀN

Nàng Thơ hỡi! Ồ sao? kìa ánh lửa
Cứ ào-ào cuồn-cuộn chiếm sương đen,
Như ý muốn vượt qua thành khói lở
Để nhô đầu thiêu cả khoảng minh-huyền.
Tiếng đâu lại, như kiêu-binh cường-mã
Đang hò reo, hý lộng với phong-ba?
Tiếng đâu lại, như trời nghiêng đất ngả,
Đảo điên vộng vũ-trụ, bóng sao sa?

***

— Thi sĩ hỡi! chàng ngạc-nhiên lắm nhỉ!
Đây giang-san đổi mới của thời sau,
Cách biệt với thời chàng muôn thế-hệ,
Mà lòng chàng ao-ước trải canh thâu.
Đây chênh-vênh giữa núi non hùng-vĩ,
Đã bao năm băng tuyết để hoang-vu,
Nay Văn-Minh Nhân-Loại đem bài-trí
Làm diễn-đàn đồ-sộ phá thâm u.
Đây một giải ngất trời Hy-Mã Lạp.
Dù sương mờ, sao nhạt, bước đường chơn,
Người trăm xứ dắt nhau, vui hội họp,
Cùng giơ cao ngọn đuốc để đăng sơn.
Đèn tắt hết, thêm lý-kỳ huyền-ảo
Nơi non cùng nước tận lúc đêm khuya.
Nổi bốn phía tiếng âm vang, nhạc dạo,
Tiếng reo ran, vỗ dậy, phất tinh-kỳ.
Rừng minh-trúc nhấp-nhô thè lưỡi lửa,
Liếm bóng cờ thu gió, múa như điên.
Nhằm tuyệt-đỉnh, kẻ lưng-chừng, lớp giữa,
Kẻ chân non, lớp dưới, tiến dẫn lên.
Thi-sĩ hỡi! hãy cùng nhau nhập bọn,
Và đuốc đây, cùng đỡ, thẳng tay nâng!
Những mong chàng gợt óc hình thời nhộn,
Và nhớ nay Nhân-Loại sống tưng-bừng
Trước cảnh-tượng chiến-tranh đã tan-biến
Và từ nay xa hẳn cõi trần-ai,
Vì, Nhân Loại vừa phá tan trận-tuyến
Của Hóa-Công sắp đặt ở lòng người..
Thi sĩ hỡi! xem ý chàng mong-mỏi
Muốn tỏ-tường mục-đích hội đêm này.
Thì, giờ đây, im tiếng ai cười nói
Với đàn ca, cổ dịch, lặng-tờ mây!
Thì, giờ đây, huyên náo mơ trong tĩnh
Để dợi chờ diễn-giả sắp lên đàn,
Vì đại-biểu của Loài Người dũng mạnh,
Sẽ bàn-bạc dăm nhời chuyện thế-gian.

X

— Hỡi anh em một nhà trong bốn bể!
Giờ vui này hẳn độc nhất vô song
Trong lịch-sử, từ khai thiên lập địa,
Tới ngày nay Nhân-Loại giốc một lòng,
Chung một dạ, cùng ôm một lý-tưởng,
Cùng nhằm theo một mục-đích cao-siêu,
Cùng tiến bước trên một đường vô thượng,
Cùng họp nhau thành một khối cường kiêu
Để trống-trọi với Hóa-Công thượng võ,
Vị Ân-Nhân-Kình-Địch phải tôn thờ,
Đã bầy trận mông-lung bao vũ-trụ
Để thử-thách can-trường của chúng ta!
Tiếng vỗ tay, tiếng hoan-hô nhiệt-liệt
Như tưởng chừng xụt núi xuống âm-cung.
Tiếng cồ-võ, dậm chân, như bất diệt,
Như tung hồn, ném xác, giữa không-trung.
Tự đỉnh núi xiên mây Y-Vĩ-Lịch
Mấy nhời đây vỗ cánh lúc đêm khuya.
Hỡi anh em chốn lâm tuyền, sơn trạch,
Chốn hải hồ, thành-thị, chốn thôn quê!

(Còn nữa)

M. T.

VĂN-HÓA VẬT-CHẤT

(*Tiếp theo trang 5*)

Về kỹ-nghệ thì người Úc-châu có những thứ dỏ, hay gọi là bao, là túi thì đúng hơn. Thứ dỏ ấy đan như lối rút rế của ta. Lại có một thứ thúng hoặc mủng ở dưới đáy có vặn xoắn mấy đầu nhọn.

Nước thì đựng bằng túi da, va cắt những chỗ gần đầu mắt cây để dùng làm bát đọi.

Ở Úc-châu có một quãng dai từ bờ biển phía nam đen tây-nam tức là từ Adelaide đến sông Gascoyne, không có một cách gì đi trên mặt nước cả, không có một cái bè con nào cả. Có lẽ tại bờ biển đó sóng gió, to quá, không đậu được thuyền bè chăng; song cũng có vũng bể an hòm vào đất liền: thế thì có thể nói rằng những văn-hóa cổ nhất chưa biết dùng thuyền bè.

Nhưng ở bờ biển tây-bắc Úc-châu, từ sông Gascoyne đến Port-Darwin, đã có bè; ở vịnh Carpentarie cũng có; ở đấy có những kiểu cổ lắm, là kiểu làm bằng một miếng vỏ cây, kiểu lấy gỗ khoét ruột, tức là độc-mộc, kiểu lấy vỏ cây quấn làm ba quấn, rồi buộc chằng làm một. Lối thuyền một miếng vỏ cây chắc là có đã lâu hơn thứ thuyền buộc ba quấn vỏ cây, vì nó mảnh hơn và không bền bằng. Còn lối độc-mộc có lẽ không phải người Úc-châu tự chế ra.

Nói về gia-đình thì người Úc-châu kết hôn ở ngoài thị-tộc, chỉ có một vợ, một chồng; cũng có hội họp nhau thành đoàn-thể, phần nhiều các bô-lão đứng đầu.

Có lối tài-phán quyết-đấu để giải-quyết những việc tranh nhau kiện nhau, tức cũng như thi võ để định được thua.

Làm lễ qui-đầu (lễ nhập hội, lễ khai-tâm, v. v., đại-để như quy của nhà Phật), thì có lối nhổ răng. Dân châu Phi, nhất là ở thượng-lưu sông Nil, cũng có lối ấy.

Người chết cũng chôn vuông đất, nhưng để ngồi gùm lại trong hòm như pho tượng trong khán. Dân ở phía nam châu Phi cũng có lối ấy.

Dân Úc châu có hai thứ nhạc khí; một thứ lấy hai cái gậy đánh vào với nhau như ta đánh phách; còn lối nữa buộc những cái khanh để cho cái nọ chạm vào cái kia, thành tiếng nhạc.

Ở Úc-châu có thứ tranh vẽ, nét bút tự-nhiên, các nhà chuyên-khảo chưa biết rõ có phải là văn-hóa Úc châu không. Có vùng hiện nay không có một tý nước nào, thế mà người ta lại tìm thấy những con cá sấu chạm bằng gỗ, tinh tế lắm, lại có bức tranh cũng vẽ cá sấu, không những vẽ vẩy cá, da cá, lại vẽ cả đến các bộ phận trong ruột nữa. Không biết những người thợ chạm thợ vẽ khéo như thế là dân Úc hay là dân khác. Hiện nay văn-hóa Úc-châu đều pha lẫn với văn-hóa khác (G. Montandon, *L'ologénèse culturelle*, trang 61 67; J. Deniker, *Les races et les peuples de la terre*, trang 326 330, 593 599).

(*Còn nữa*)

Ứng-hóa NGUYỄN-VĂN-TỐ

«HẬU-LAI CÁCH-TRÍ»

(*Tiếp theo trang 13*)

ra được, nhưng mà ắt phải đối đáp lập-tức, không khiên-diên được. Khoa-học có qui-củ, có phương-pháp, thì biết quyết ý đành chịu ngu, hoặc là hãy đành chịu chờ đợi; khoa học cổ-sơ thoạt tiên đã muốn tường lẽ muôn vật. Nói thật, ấy là sự muốn người ta ngày nay tính ra mấy bài tính đố, còn thì hoãn để những thế kỷ tương-lai biết rõ người ta hiện tại thế nào, ở trong cõi đời chiếm địa vị nào, cõi đời bản do từ đâu, bản-thân nguyên nhân từ đâu, muốn người ta trì hoãn như thế không sao được vậy. Dẫu con người ta biết câu bí mật không tài nào cắt nghĩa được, cũng không thể ngăn-cản con người ta nóng nảy, chịu khó tìm-tòi giảng giải câu bí mật ấy » (trang 18).

(*Còn nữa*)

Thịnh-quang ĐỖ THỨC

???

— Ai là quan Thám-hoa mà lại đi kéo vó như một thường dân ?

— Ai đã dùng ba tấc lưỡi để tránh cho vua Tàu khỏi bắt dân ta róc tóc với bện đuôi xam ?

Muốn rõ xin đọc:

« Quan Thám kéo vó »

của Tiên-Đàm NG.-T.-PHƯƠNG *đã có bán ở các hiệu sách*

Giá **0$85**

In đẹp — họa sĩ PHẠM-GIA GIANG *tốt nghiệp trường Mỹ Thuật vẽ.*

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHÁY CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 3

CHU-THIÊN

Người khách ngồi trong cùng bây giờ mới lên tiếng :

— Nhưng các ông nên biết mọi việc ở đời không dễ dàng thẳng một như các ông tưởng đâu. Nhiều khi lại chỉ những người hay tự cao tự đại là khờ dại và hèn yếu mà thôi !

Một chàng, rượu đã ngấm, lại bị chạm lòng tự ái, trừng trừng nhìn người khach kia, sừng sộ nói :

— À anh này giỏi, lại dám cả gan nói khầy anh em chúng tôi à ?

Người kia vẫn ung dung đáp :

— Tôi không nói khầy ai cả. Tôi chỉ nói rõ mọi sự mà tôi nhận thấy. Các ông tưởng họ Trần chịu lép một bề đấy phải ? Biết đâu đấy chẳng là kế hoãn binh của cái lão Thái sư già gian dảo ấy... Vả lại, làm việc lớn cốt nhất danh phải chính, ngôn phải thuận, thì trăm họ mới biết tôi ma noi theo, mới mong có ngày thịnh-trị, chứ đằng này, bậc tráng-sĩ đại danh ở đất Phù-minh này lại quên mất đại nghĩa, đi kết thân với kẻ thù bỏ tôn thống nhà Lý, cầu lấy lợi lạc riêng mình. Như thế còn mong gì lâu dài yên vui mãi mãi... Thật là mơ-màng...

Khách nói xong điềm nhiên tợp một hớp rượu như không có chuyện gì. Nhưng bọn ba chàng kia tức lắm. Một anh đứng dậy, sắn tay áo chống khoanh tay ở cạnh sườn, hỏi một cách nộ nạt :

— Anh nói láo ! Khinh miệt thượng ty, ngạo mạn cả đức Kim thượng, xử trảm !

Thấy nét mặt người khách vẫn tươi đẹp như thường với đôi mắt dài và sáng, rất dịu dàng, không phát lộ một vẻ lo-sợ gì một người trong bọn vội kéo chàng kia ngồi xuống, và ung dung nói mỉa mai :

— Nói mà không nghĩ, tức là hạng thất phu, cái mạnh ấy là cái hùng mạnh của kẻ cuồng ngộ. Người quân tử không bao giờ chấp với kẻ thất phu cuồng ngộ, nhất là lại ở trong quán rượu.

Nói xong câu ấy, cả bọn đều tự lấy làm lý thú cao-kỳ lắm, tư thưởng nhau mỗi người một chén rượu, uống nuốt vui vẻ lắm, tưởng chừng như câu ấy sẽ gang lấy họng người khách kia, không cho thốt ra lời nào nữa. Nhưng không, vị khách vẫn tươi tỉnh dõng dạc nói :

— Ở đời phân-biệt được thế nào là quân tử, thế nào là tiểu nhân, thế nào là cuồng ngộ, khó lắm. Phân biệt được như thế tức là bậc thánh hiền minh triết rồi. Đằng này một lũ mê dại tự nhận mình là thánh thần, ếch ngồi đáy giếng, không biết tí gì về nhân tâm, thế sự, mà cũng dám lên mặt nói thế này thế nọ... Cái hạng người ấy, chỉ nên thương... Không ai bỗ giận..!

Trong quán im-lặng, một thứ im-lặng nặng nề, khó chịu. Một lúc sau, một chàng ngẩng mặt quắc mắt nhìn người khách chòng chọc và hung hăng hỏi :

— Anh bảo ai vậy ? !

Người kia đủng-đỉnh vừa ăn vừa đáp :

Tôi bảo những người ngu dốt không chịu nhìn xét gì đến sự thực trong mọi việc cả, mà vẫn còn tự phụ...

Một anh nữa sừng sổ hỏi tiếp :

— Anh định ám chỉ anh em chúng mỗ đây có phải ? Có phải thì nói mau, không thì bảo ?

Người kia vẫn nghiêm nghị quay nhìn mọi người ngồi ở những mâm ngoài, rồi nói như phân bua :

— Các ông đây thử nghĩ mà xem. Một lũ loạn thần tặc tử họ Trần lập mưu tiếm đoạt ngôi thiêng nhà Lý ta tự lâu. Chúng nó giết hại kẻ trung lương, hãm hại họ hàng tôn thất nhà vua, để lập thành cơ-nghiệp cho chúng nó. Những kẻ hào kiệt trong thiên hạ đều vì đại nghĩa dấy lên, mong trừ tiệt lũ giặc cướp ấy. Trăm họ đang nghển cổ noi theo, trông chờ. Thì bậc tráng sĩ Phù-minh kia lại bị mắc vào mỹ nhân kế của Trần Thủ Độ, ham mê một đứa con gái, mà quay lại phản ý muốn của toàn dân, đi thần phục lũ loạn-thần tặc tử. Như thế mà một lũ ngu ngốc lại tưởng là giờ bề lám, cho là Trần Thủ Độ nó sợ uy phải dâng gái cầu hòa. Một thằng lật đổ nghiệp vua, làm nghiêng ngửa cả thiên hạ, khi nào nó có chịu sợ uy ai. Nó dữ được thì nó dữ, nó lừa được thì nó lừa. chứ nó có lép nổi gì. Rồi đây bốn phương còn loạn lạc tứ tung, chứ đã yên cho đâu mà mừng ! Cái hạng ngu dốt ấy không biết rằng cũng nhờ có dân chúng tin theo, nhiều người phù tá, thì Tráng-sĩ Phù minh mới được tôn lên địa vị đế vương như ngày nay chứ... Đến đứa con trẻ nó cũng biết vậy...

Không đợi cho nói hết, bà chàng kia đền hầm hầm đứng dậy, sấn sổ quát :

— À ! mi bảo chúng tao ngu dại phải ? Thằng này phải nện cho một trận, nó mới biết thân. Đánh ! Anh em !

Tiếng giường phản bị sô giẫm, bát đĩa bị gạt lăn loảng-soảng, trong quán đã trở nên ồn ào đại náo, ai nấy đều đứng cả dậy, trừ người khách vừa nói. Chủ quán sợ xanh

mất, tổng bạng lo ngay ngáy, người ta hung hăng phá toang hoàng, vỡ nát cả cửa hàng, thì mất cả vốn liếng, vội vàng van lậy khẩn khoản xin mấy người ngồi mâm ngoài can hộ. Trong khi người khách vẫn ung dung ngồi uống rượu, mấy người kia cũng vội tất tả chạy ra dìu lấy ba chàng kia, và từ tốn nói phân trần hòa giải :

— Xin ba ngài, hãy bớt giận làm lành, bình tĩnh lại mà giảng giải cho mọi người hiểu rõ tôn ý đã. Các bậc hiền giả ngày trước nghe người ta réo đến chỗ nhầm của mình tức khắc hai lậy mà nhận lấy. Vả lại quý khách đây trầm mặc và bình thản như vậy, chắc cũng là tay cả bản lĩnh, ta chớ nên vọng động.

Một chàng đề mạnh nâm rượu xuống bàn và sang sảng nói :

— Nể lời các ông, anh em chúng tôi hãy tha chết cho nó, chứ ngữ nó, chúng tôi coi ra mùi gì mà các ông bảo là tay bản lĩnh.

Người khách cũng ngẩng mặt lên nhìn mọi người và nói .

— Phàm bàn đến thiên hạ sự cũng như dùng binh đánh vào lòng người là thượng sách, còn đánh thành cướp đất là hạ sách. Sao vậy ? Bởi vì đánh được lòng người, thì trăm họ đều theo, lấy thiên hạ như giở bàn tay. Trăm họ đã không tin phục thì dẫu có chiếm cứ được cả thiên hạ rồi tất cũng có ngày sụp đổ. Nay các ông đây tự khoe là người dân liêu hiền của một vị đế vương mở nền thái bình thịnh trị, thế mà có một người như tôi đây chưa trông thấy rõ cái công nghiệp hiển hách ấy đáng lẽ các ông phải minh bạch chỉ bảo cho tôi hay. Đằng này các ông lại sừng sộ nộ nạt tôi là lý làm sao ? Các ông có biết đâu rằng trong thiên hạ còn hàng vạn hàng mớ người cũng tương tự như tôi mà thôi. Các ông lại có biết đâu rằng sừng sộ nộ nạt như thế đã uy hiếp mỗi người ta hay chưa, mà lại làm hại ngay cho một kẻ vô tội hiền lành đứng giữa, như bác chủ quán này chẳng hạn. Cũng vì nghĩ vậy, nên tôi đây đành chịu lỡ dịp đáp lễ các ông chứ đường đường chính chính ở nơi công hội, thì kẻ sợ chế ham sống này dẫn hèn ra nữa, cũng xin đủ lễ đáp lại các ông có lòng hạ cố đoái tưởng đến .

Người khách ta nói một mạch dài, như một nhà sư đọc một bài kinh cầu Phật, mấy người ngồi ngoài đều lặng thinh nín thở lắng tai nghe ra vẻ mê phục lắm. Tuy vậy ba chàng kia vẫn không nguôi cơn giận, đều hùng hăng sắn cả lại gần. Một chàng quát

— Ta không thèm cãi lý với mi. Mi hỗn sược, ta hãy trị cho mi một mẻ đã, rồi hãn nói chuyện. a cứ đánh !

Người khách vẫn ngồi yên cười đáp lại :

— Vâng, tôi xin tỉnh ý !

Mấy chàng kia không thèm nghe người kia nói gì tức thì nem nắm chén vun-vút vào người khách. Nhưng người này rất nhanh nhẹn, né và gạt đỡ được hết, rồi để những mảnh vỡ lên bàn và vẫn tươi cười nói.

— Tôi đã bảo mà, chỉ tổ hại anh chủ quán thôi mà. Ta có rảnh, đem nhau ra khoảng không người mà tỉ thí, lợi hay hại ngay cho mình mà không thiệt đến ai thì hơn !.

Mấy người khách ở ngoài thấy tình thế không thể giàn hòa êm-thắm được, hai bên cứ gây sự với nhau họ đều sợ hãi bỏ lẳng dần đi cả, để mặc chủ quán cùng mấy đứa hầu run sợ đứng nhìn đợi canh tan tành mà không dám kêu gào ai đến phân sử được. Vì mấy người khách sang trọng kia đã tháo lui thì còn gì dám mon men ben mảng đến giữa lúc ba chàng tráng-sĩ Du làm đương hùng hổ đánh nhau với con người hẩn sược nào đấy. Thấy trong quán trơ lại còn mỗi một mình mình với ba kẻ cừu địch, vị quý khách kia liền đứng giậy sửa tiền giả chủ quán rồi đủng đỉnh bước ra ngoài. Ra đến hè người ấy còn quay lại bảo thêm chủ quán rằng :

— Tôi giả đền cả mọi thứ đập vỡ vì tôi đây. Bán hàng nhạt từ đồng kẽm, lờ lãi là bao, mà nhỡ ra gặp bọn khách hung làn như chúng tôi, thì mất nghiệp chứ còn gì !

Thấy người khách nói ra vẻ khiêu khích ba chàng trẻ Du làm, đều hầm hầm đạp đổ bàn ghế sàn ra ngoài, người nọ bảo người kia :

— Ba đứa chúng mình lại chịu thua nó hay sao ? Đuổi đánh chứ thế này nhục lắm !

Nhưng vừa tiến ra đến cửa, thì họ phải đứng dừng ngay lại, sững sốt cuống quít. Họ ngơ ngác như đang ở trong một giấc mơ

(*Còn nữa*)

CHU THIÊN

Tin buồn trong làng văn

Bạn báo vừa được tin buồn Bác sỹ Lê hữu Mỹ, nguyên phụ giáo khoa dự đề (Assistant de Clinique Obstétricale et Gynécologique) tại y khoa Đại-học Đường Hanoi mới mệnh chung ngày 15 Août 1948, ở Banthi (mỏ kẽm chợ Điền, Backan)

Tang lễ đã cử hành ở Ban Thì.

Bác-sỹ Mỹ là tác giả tập Hương Lửa (1937), quyển sách khoa học đầu tiên nói về vấn đề hôn-nhân vệ sinh ; và tập Tuổi Xanh, mới xuất bản gần đây, nói về phép nuôi con.

Trong dịp buồn rầu này, bản chí xin có nhời kính viếng hương-hồn Bác-sỹ, và phân ưu cùng tang gia.

TRI-TÂN

Muốn làm giàu mua vé số
Đông Pháp
1p00 một vé

ĐÃ XUẤT BẢN

MỘT GIAI PHẨM CỦA THƯ-XÃ ALEXANDRE DE RHODES

KIM VÂN KIỀU

Cuốn II *(trọn bộ)*

Bản dịch Pháp-văn của ông Nguyễn-văn-Vĩnh 470 trang khổ 17×23, bìa hai màu, có nhiều tranh ảnh của họa-sĩ Mạnh-Quỳnh.

Toàn bộ **KIM VÂN KIỀU** gồm 800 trang, thành một pho sách quí vô-giá để quốc-dân ngâm và hiểu áng văn của Tố-Như.

Bản thường 3$00 cước 0$80
Bản Vergé bouffant 8$00 cước 1$20
Gửi lĩnh hóa giao ngân, kèm thêm 0$30

TỔNG PHÁT HÀNH
MAI LĨNH
21, Rue des Pipes — Hanoi

ĐÃ CÓ BÁN :

KHẢO LUẬN VỀ KIM VÂN KIỀU

ĐÀO-DUY-ANH

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm, có phụ cả *Thanh-hiên thi tập* và *Bắc-hành tạp-lục*.

Giá 2$40

VĂN HÓA
29, Maréchal Pétain — Huế

Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH
Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng có điển tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn. Có cảm thấy cái hay ấy thì mới để ý đến quốc-văn và ưa chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cho xuất bản tập « Văn liệu Từ-điển » giảng rõ những tiếng dùng trong quốc-văn mà có điển cố, thật là một cái công to với quốc-văn vì tập sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn một phần lớn ».

Trích thư của
Đốc học Nguyễn Quang Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16×25
Giá bán lẻ có 5$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành
16, Phố Lê Lợi — HANOI
51, Doumer — HAIPHONG

HAN THUYÊN

MỚI CÓ BÁN

CẢI TẠO SINH LỰC

Phần thực hành trong bộ
« SỨC KHỎE MỚI »
của P. N. KHUÊ — Giá 3$50

25 8-43 có bán

XÃ HỘI AI-CẬP

ĐỜI THƯỢNG CỔ

Trong bộ « Lịch sử Thế giới »
của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH
Giá 2$50

Ở xa mua 1 cuốn xin gửi tiền trước kèm 0$40 cước đảm bảo về ô. Giám-đốc

HÀN-THUYÊN
71, Tiên-Tsin — HANOI

REVUE TRI-TÂN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi